TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

Số: 2021 /ĐLTKV-VP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

# CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. **Tên tổ chức:** Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP
   - Mã chứng khoán/ Mã thành viên: DTK
   - Địa chỉ: Tầng 16 tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
   - Điện thoại liên hệ: 024 3516 1605
   - Email: vp@vinacominpower.vn
2. **Nội dung thông tin công bố:**

Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP công bố Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phiên họp bất thường năm 2026 ("Đại hội") ngày 23/11/2026 và các tài liệu kèm theo.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào cùng ngày tại địa chỉ: www.dienluctkv.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (e-copy, b/c);
- TGĐ Bùi Minh Tân (e-copy, b/c),
- Các PTGĐ, KTTr (e-copy);
- Các phòng, các đơn vị (e-copy);
- VP (đăng Website DTK);
- Lưu: VP, Tk.HĐQT (02)

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC**
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**




**Đặng Đình Toàn**

***Tài liệu đính kèm:***

*-Chương trình họp Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội; Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông; Biên bản kiểm phiếu;*

*-Biên bản họp số 18/BB-NQ-ĐHĐCĐ-2026 và các Nghị quyết 18/NQ-ĐHĐCĐ-2026, Nghị quyết 19/NQ-ĐHĐCĐ-2026 ngày 23/11/2026;*

*-Các Tờ trình Đại hội: Tờ trình 767/TTr-ĐLTKV ngày 30/10/2026; Tờ trình 773/TTr-ĐLTKV ngày 30/10/2026; Tờ trình 764/TTr-ĐLTKV ngày 29/10/2026.*

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
Ký ngày: 25/11/2026 09:52:11

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH HỌP
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
# TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

1. **Thời gian:** 8:00 – 10:45 ngày 23/11/2026 (thứ Hai).

2. **Địa điểm:** Hội trường Cơ quan Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, Tầng 5 Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. **Chương trình:**

| Thời gian | Nội dung | Thực hiện |
|---|---|---|
| 8:00 – 8:30 | **Đón tiếp đại biểu và cổ đông đăng ký tham dự.** | Ban Tổ chức Đại hội |
| | - Cổ đông đăng ký tham dự (ký tên vào danh sách) và nhận tài liệu, thẻ biểu quyết.<br>- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông và tổng hợp danh sách tham dự. | Ban Kiểm tra tư cách cổ đông (t/h 8:00 – 8:30) |
| 8:30 – 8:45 | **Khai mạc:** | |
| | - Chào cờ; Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.<br>- Mời Chủ tọa Đại hội: Chủ tịch HĐQT Phạm Tuấn Ngọc. | Ban Tổ chức Đại hội (t/h 8:30) |
| | - Chủ tọa Đại hội cử Ban Thư ký Đại hội. | Chủ tọa Đại hội |
| | - Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu Đại hội. Đại hội biểu quyết thông qua. | |
| | - Chủ tọa đề nghị Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. | |
| | - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. | Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông |
| | - Tuyên bố cuộc họp ĐHĐCĐ đủ điều kiện tiến hành theo quy định và tuyên bố khai mạc. | Chủ tọa Đại hội |
| | - Trình bày Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội để Đại hội biểu quyết thông qua. | Ban Tổ chức Đại hội |
| | - Chủ tọa đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội. | Chủ tọa Đại hội (t/h 8:45) |

| Thời gian | Nội dung | Thực hiện |
|---|---|---|
| 8:45 - 9:45 | **Nội dung Đại hội (thông qua các báo cáo, tờ trình):** | |
| | 1. Tờ trình ĐHĐCĐ cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP giai đoạn 2026 - 2030. | HĐQT (t/h 8:45 - 9:15) |
| | 2. Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng Công ty Điện lực TKV – CTCP. | |
| | 3. Tờ trình ĐHĐCĐ về việc hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 và chi trả cổ tức bổ sung. | |
| 9:45 – 9:55 | **Đại hội thảo luận về các Tờ trình** | |
| | - Các cổ đông đóng góp ý kiến, thảo luận về các tờ trình. | Cổ đông, Chủ tọa Đại hội (t/h 9:15 – 9:20) |
| | - Trả lời các câu hỏi của cổ đông (nếu có) theo phân công của Chủ tọa Đại hội. | |
| 9:55-10:05 | Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình. | (t/h 9:20-9:23) |
| 10:05 - 10:15 | - Công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung. | Trưởng Ban Kiểm phiếu (t/h: 9:30-9:35) |
| 10:15 – 10:45 | **Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.** | |
| | - Ban Thư ký Đại hội trình bày dự thảo. | Trưởng Ban Thư ký (t/h 9:35-10:20) |
| | - Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết. | Chủ tọa Đại hội |
| 10:45 | **Bế mạc Đại hội.** | Chủ tọa Đại hội (t/h:10:42-10:44) |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# QUY CHẾ LÀM VIỆC
## TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

# QUY CHẾ LÀM VIỆC
## TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 ("Luật Doanh nghiệp 2020");*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP ("Tổng công ty") ngày 26/12/2024.*

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP ("Đại hội") được tiến hành theo những quy định sau:

**Điều 1. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/ người đại diện được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội:**

1. Cổ đông có các quyền được pháp luật quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Tổng công ty và một số quyền cụ thể được quy định tại Quy chế này.

2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác làm đại diện cho mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội (sau đây gọi tắt là "Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông"). Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội phải xuất trình Giấy ủy quyền theo quy định.

3. Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

4. Khi làm thủ tục đăng ký tham dự tại Đại hội, cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ được nhận tài liệu (nếu có) và thẻ biểu quyết trên đó có ghi họ tên của cổ đông, mã số cổ đông và tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông đó.

5. Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự Đại hội sau khi Đại hội đã khai mạc phải thực hiện thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội và ngay sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký tham dự Đại hội thì có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm phải dừng Đại hội để cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó hoàn thành thủ tục đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

6. Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải nghiêm túc chấp hành Quy chế làm việc của Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

**Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức Đại hội:**

1. Ban Tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP quyết định. Ban Tổ chức Đại hội có trách nhiệm triệu tập, đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu (nếu có), thẻ biểu quyết cho những cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Ban Tổ chức Đại hội tiếp nhận các giấy tờ do những người đến tham dự Đại hội xuất trình, để kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Tổ chức Đại hội có quyền kiến nghị việc từ chối phát tài liệu (nếu có) và thẻ biểu quyết của Đại hội.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu Đại hội:**

1. Ban Kiểm phiếu Đại hội do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ xác định số phiếu và tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến đối với từng vấn đề thảo luận tại Đại hội để hỗ trợ Ban Thư ký Đại hội hoàn chỉnh Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

3. Ban Kiểm phiếu phải tiến hành một cách trung thực, chính xác nhiệm vụ được Đại hội giao và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội:**

1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội cử để lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc theo yêu cầu của Chủ tọa Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

2. Việc bầu chủ tọa được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

3. Chủ tọa Đại hội có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

**Điều 5. Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội:**

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Đại hội được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội.

3. Việc thảo luận sẽ được thực hiện sau khi tất cả các báo cáo và tờ trình được đọc và báo cáo tại Đại hội.

4. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo nguyên tắc, thể thức biểu quyết tại Quy chế này và theo Điều lệ Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP quy định.

**Điều 6. Nguyên tắc, thể thức biểu quyết:**

1. Đại hội thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội.

2. Những vấn đề biểu quyết trực tiếp tại Đại hội thì Chủ tọa Đại hội sẽ đề nghị biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo quy định sau: Các cổ đông tán thành giơ thẻ biểu quyết trước, sau đó đến lượt cổ đông không tán thành giơ thẻ biểu quyết và cuối cùng là cổ đông không có ý kiến giơ thẻ biểu quyết. Các nội dung thủ tục được biểu quyết bằng giơ thẻ. Các nội dung quan trọng có thể biểu quyết bằng phiếu theo quyết định của Chủ tọa, trường hợp được yêu cầu cả hai, kết quả ghi phiếu là kết quả biểu quyết chính thức cho nội dung.

3. Các nghị quyết về các nội dung sau đây được Đại hội thông qua khi được số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020;

d) Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch bán tài sản, giao dịch mua của Tổng công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

f) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty.

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020) được thông qua khi được số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành.

5. Ban Kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được ghi vào Biên bản Đại hội và được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

**Điều 7. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội:**

1. Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông muốn đề xuất một nội dung nào đó tại Đại hội thì phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.
- Phải giơ tay xin ý kiến của Chủ tọa Đại hội và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa Đại hội cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được quyền phát biểu.
- Trường hợp nhiều cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa Đại hội sẽ mời tuần tự từng người lên trình bày ý kiến của mình.
- Chủ tọa Đại hội có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nếu thấy cần thiết.

2. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau. Trường hợp có những ý kiến khác nhau, sẽ được Chủ tọa tổng hợp để Đại hội xem xét khi biểu quyết nội dung liên quan.

3. Các đề xuất của cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện như sau:

- Ngắn gọn và rõ ràng. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban Tổ chức Đại hội 03 (ba) ngày trước khi diễn ra Đại hội.
- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
- Không đề xuất các vấn đề không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội bàn bạc và thông qua.
- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

**Điều 8. Biên bản và Nghị quyết Đại hội:**

Tất cả các nội dung của Đại hội được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản của Đại hội, các nội dung Đại hội biểu quyết thông qua được đưa vào Nghị quyết Đại hội. Nghị quyết Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Thư ký Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.

**Điều 9. Điều khoản thi hành:**

Quy chế làm việc của phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
**CHỦ TỌA**

**Phạm Tuấn Ngọc**
**CHỦ TỊCH HĐQT**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

Số: 18/BB-ĐHĐCĐ-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

# BIÊN BẢN HỌP
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
# TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

**Thông tin doanh nghiệp:**

- Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
- Mã số doanh nghiệp: 0104297034
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16 tòa nhà Vinacomin, Số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hôm nay, vào hồi 8:00 ngày 23/11/2026 (thứ Hai) tại Hội trường Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, Tầng 5 Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP ("Tổng công ty" hoặc "DTK") đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (sau đây gọi tắt là "ĐHĐCĐ" hoặc "Đại hội"), cụ thể như sau:

## I/ THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Các cổ đông của Tổng công ty.
- Hội đồng quản trị *(HĐQT)*, Ban Kiểm soát *(BKS)*, Ban Lãnh đạo điều hành Tổng công ty.
- Các đại biểu khách mời:

+ Đại diện Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các đơn vị trực thuộc/công ty con, các phòng ban chức năng của Tổng công ty;

+ Đại diện Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (là đơn vị tư vấn tái cơ cấu phần vốn của Doanh nghiệp theo Hợp đồng số 2309/2025/HĐTV/DTK-WSS ngày 23/9/2025).

## II/ NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI:

### 1. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội:

- Căn cứ kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm khai mạc Đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ có sự tham dự của 13 cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, sở hữu và đại diện cho 678.694.377 cổ phần, chiếm 99,4 % tổng số 682.767.475 cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp năm 2020) và Điều lệ Tổng công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được triệu tập ngày 23/11/2026 là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

- Tại thời điểm biểu quyết nội dung hiệu chỉnh Biên bản và Nghị quyết, biểu quyết nội dung Biên bản, Nghị quyết Đại hội, có 1 cổ đông (sở hữu 102 cổ phần) vắng mặt. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội là 678.694.275 cổ phần.

**2. Chủ tọa Đại hội, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu:**

***Chủ tọa Đại hội:*** Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Tổng công ty, Chủ tịch HĐQT Phạm Tuấn Ngọc là Chủ tọa Đại hội.

***Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu:***

Để giúp việc Chủ tọa Đại hội và thực hiện công tác kiểm phiếu, Chủ tọa Đại hội đã cử Thư ký Đại hội; Đồng thời giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến cho Ban Kiểm phiếu. Cụ thể như sau:

**** Ban Thư ký Đại hội:***

- Ông Đặng Đình Toàn - Người phụ trách quản trị, Thư ký HĐQT: Trưởng Ban;
- Bà Phạm Thị Thơ - Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Nhân sự: Thành viên.

**** Ban Kiểm phiếu:***

- Ông Ngô Văn Điện, Phó Trưởng Phòng Pháp chế: Trưởng Ban.
- Bà Trương Thị Hồng Liên, Phó Trưởng Phòng Tổ chức-Nhân sự, Thành viên;
- Bà Phạm Thị Thùy Linh, Chuyên viên Phòng Pháp chế: Thành viên.
- Bà Nguyễn Bảo Quyên, Chuyên viên Văn phòng: Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Chuyên viên phòng KT-TC: Thành viên.

***Đại hội đã biểu quyết thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu tỷ lệ như sau:***

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694.377* | | *cổ phần.* |
| *Tán thành:* | *678.694.377* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

**3. Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội:**

Ban Tổ chức Đại hội đã trình bày Chương trình, nội dung họp, dự kiến thời gian theo chương trình họp và trình bày Quy chế làm việc tại Đại hội.

Sau khi được Ban Tổ chức trình bày Chương trình và Quy chế làm việc, Chủ tọa có ý kiến: Tất cả các nội dung biểu quyết tại Đại hội hôm nay được biểu quyết bằng giơ thẻ trực tiếp.

***Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình cuộc họp với tỷ lệ như sau:***

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694.377* | | *cổ phần.* |
| *Tán thành:* | *678.694.377* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

***Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế làm việc với tỷ lệ như sau:***

| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694.377* | | *cổ phần.* |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tán thành:* | *678.694.377* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

**4. Trình bày các Tờ trình tại Đại hội:**

Trước khi bước vào phần trình bày các Tờ trình, báo cáo, Chủ tọa đã báo cáo tóm tắt Đại hội về tài liệu đã trình Đại hội đã được Hội đồng quản trị thông qua và đăng tải trên Website của Tổng công ty và công bố thông tin trên trang Website của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định từ ngày 31/10/2026 và được cập nhật bổ sung, đính chính vào các ngày 10/11/2026, 17/11/2026, cụ thể gồm:

-Tờ trình 767/TTr-ĐLTKV ngày 30/10/2026 về việc thông qua cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP giai đoạn 2026-2030 (Tờ trình 767);

-Tờ trình 773/TTr-ĐLTKV ngày 30/10/2026 về việc phê duyệt phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng Công ty Điện lực TKV – CTCP (Tờ trình 773);

-Tờ trình 764/TTr-ĐLTKV ngày 29/10/2026 về việc hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 và chi trả cổ tức bổ sung (Tờ trình 764).

Tổng công ty cũng đã cập nhật bổ sung tài liệu Đại hội, để làm cơ sở, căn cứ bao gồm: Quyết định 690 ngày 10/11/2026 về việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Than -Điện Nông Sơn – TKV thành Công ty TNHH Một thành viên Than – Điện Nông Sơn – TKV; Thông báo số 702 ngày 05/11/2026 của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc tập trung kinh tế; Đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngày 13/11/2026 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Than – Điện Nông Sơn – TKV.

Đại hội đã nghe các Thành viên Hội đồng quản trị trình bày các Tờ trình nêu trên tại Đại hội, cụ thể:

**4.1 Tờ trình 767, bao gồm các nội dung đề nghị Đại hội thông qua/phê duyệt, như sau:**

**4.1.1 Mục tiêu:**

*4.1.1.1* Nâng cao hiệu quả hoạt động mọi mặt của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường phân cấp phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới, sáng tạo và thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực; đảm bảo an toàn và chăm lo tốt đời sống mọi mặt cho người lao động; quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra; thực hiện thắng lợi mục tiêu: "Đoàn kết - An toàn - Kỷ cương - Chuyên nghiệp - Đổi mới - Hiệu quả - Bền vững".

*4.1.1.2* Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tiếp tục giữ vai trò là đơn vị sản xuất điện, sản xuất than, đảm bảo vận hành an toàn, liên tục, ổn định các nhà máy điện hiện có; khai thác hiệu quả công suất nguồn điện; đồng thời góp phần thực hiện

chuỗi giá trị than - điện của Tập đoàn thông qua việc sử dụng hiệu quả nguồn than nội bộ và phát huy cao nhất hiệu quả các thiết bị phát điện hiện có.

*4.1.1.3* Hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, đồng thời nâng cao chất lượng tăng trưởng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; chuyển từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào duy trì quy mô sang tăng trưởng dựa trên nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu chi phí, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng tài sản, vốn đầu tư.

**4.1.2 Định hướng cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2026 – 2030:**

**4.1.2.1 Lĩnh vực hoạt động**

***4.1.2.1.1 Lĩnh vực hoạt động chính:***

Sản xuất điện (bao gồm quản lý và vận hành các nhà máy điện thuộc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP); Sản xuất than.

***4.1.2.1.2 Lĩnh vực hỗ trợ trực tiếp:***

Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, quản lý kỹ thuật, an toàn, môi trường, vật tư, điều độ sản xuất và các hoạt động phục vụ trực tiếp cho sản xuất điện, sản xuất than.

***4.1.2.1.3 Lĩnh vực khác:***

Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng nguồn điện, bảo vệ môi trường, tự động hoá, chuyển đổi số và các dự án điện mới theo chủ trương của TKV và khả năng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; đầu tư nghiên cứu, chuẩn bị phát triển chuyển đổi nhiên liệu, các dự án năng lượng tái tạo.

**4.1.2.2 Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp, cơ cấu lại mô hình tổ chức quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP giai đoạn 2026 - 2030.**

***4.1.2.2.1 Nguyên tắc sắp xếp, cơ cấu lại:***

Giữ ổn định mô hình tổ chức hai cấp bao gồm cấp Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và cấp chi nhánh trực thuộc. Trong đó:

- Cấp Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP: Thực hiện chức năng quản trị, điều hành tập trung, hoạch định chiến lược và kiểm soát các lĩnh vực trọng yếu.

- Cấp chi nhánh trực thuộc: Thực hiện chức năng tổ chức sản xuất, vận hành, sửa chữa, quản lý nhà máy và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao.

***4.1.2.2.2 Kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, mô hình tổ chức quản lý:***

a) Tiếp tục duy trì 07 chi nhánh của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP:

- Công ty Nhiệt điện Na Dương;
- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn;
- Công ty Nhiệt điện Sơn Động;
- Công ty Nhiệt điện Đông Triều;
- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả;
- Công ty Thủy điện Đồng Nai 5;
- Ban Quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II.

b) Đối với Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn:

Triển khai cơ cấu lại Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn (Tổng công ty nắm giữ 88,77% vốn điều lệ) thành chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP nhằm đồng bộ mô hình tổ chức, tăng hiệu quả điều hành và quản trị tập trung trong toàn Tổng công ty.

c) Tiếp tục duy trì vốn góp của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tại 03 công ty liên kết:

- Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;
- Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1.

**4.1.3** Giao HĐQT Tổng công ty: *(i)* Căn cứ các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình và tổ chức triển khai thực hiện; quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung cụ thể theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty; *(ii)* Chỉ đạo triển khai việc cơ cấu lại Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV thành chi nhánh trực thuộc Tổng công ty; thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; *(iii)* Trong quá trình triển khai, trường hợp phát sinh nội dung cần điều chỉnh do thay đổi quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc điều kiện thực tế, giao HĐQT xem xét, quyết định theo thẩm quyền; đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

**4.2 Tờ trình 773, bao gồm các nội dung đề nghị Đại hội thông qua/phê duyệt, như sau:**

**4.2.1.1 Phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than-Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng công ty Điện Lực TKV – CTCP:**

***4.2.1.1.1 Công ty bị sáp nhập:***

Tên công ty trước khi chuyển đổi: Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV.

Tên công ty sau khi chuyển đổi: Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV.

Địa chỉ: Thôn Trung Thượng, xã Nông Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000463735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 23/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2026.

Vốn điều lệ: 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)

Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV được thành lập theo Quyết định số 154/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Ngày 26/02/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 419/QĐ-HĐQT về việc chuyển Công ty thành Công ty con của Tổng Công ty Điện lực - TKV kể từ ngày 01/01/2010.

Ngành nghề hoạt động chính:

- Khai thác, chế biến và tiêu thụ than.

- Sản xuất điện.

*4.2.1.1.2 Phương thức sáp nhập:*

Sau khi mua lại toàn bộ cổ phần để thực hiện sáp nhập thì Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP sở hữu 100% vốn điều lệ và là chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Than Điện Nông Sơn – TKV (CTCP Than - Điện Nông Sơn – TKV chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV), Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK) nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV (V.NSCP) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của V.NSCP sang DTK, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của V.NSCP.

**4.2.1.2. Phương án sản xuất kinh doanh sau sáp nhập:**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP sau sáp nhập như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2026 (dự kiến) | Năm 2027 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Kế hoạch (*) | % tăng giảm so với năm 2026 |
| 1 | Doanh thu (tỷ đồng) | 12.964 | 14.057 | 14117,8 | 100,43% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 712,91 | 726,90 | 717,16 | 98,66% |
| 3 | Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/doanh thu | 5,5% | 5,17% | 5,08% | 98,26% |
| 4 | Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu | 10,4% | 10,7% | 10,5% | 98,66% |
| 5 | Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá (**) | 6% | ≥ 3,5% | ≥ 3,5% | 0% |

*(*) Theo số liệu tại văn bản số 7202/TKV-KH ngày 15/10/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam v/v xin ý kiến kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2027.*

*(**) Tỷ lệ cổ tức thực tế từ kết quả SXKD năm 2026 (không bao gồm việc chi trả cổ tức (8,8371%) tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026), 2027 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027, 2028 xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026, 2027.*

**4.2.1.3 Phương án sử dụng lao động:**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP kế thừa toàn bộ lao động, các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ lao động của Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV. Công ty có quyền sắp xếp lại lao động (nếu cần) và thực hiện mọi công việc liên quan đến người lao động theo quy định của Pháp luật.

**4.2.1.4 Sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng công ty sau khi sáp nhập V.NSCP vào DTK:**

*4.2.1.4.1.* Sửa đổi Phụ lục của Điều lệ: chuyển Công ty cổ phần Than Điện Nông Sơn - TKV (sau khi chuyển đổi là Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc.

*4.2.1.4.2.* Cập nhật địa chỉ Tổng công ty theo địa danh hành chính mới:

- Địa chỉ trụ sở chính (cũ): Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính (mới): Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

*4.2.1.4.3.* Cập nhật họ tên, chữ ký của các thành viên HĐQT tại thời điểm hiện tại; Cập nhật thông tin về Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ và ngày ban hành Điều lệ sửa đổi lần này.

*4.2.1.4.4.* Ủy quyền cho HĐQT cập nhật nội dung sửa đổi, bổ sung tương ứng vào Điều lệ Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP và ban hành.

**4.2.1.5. Hợp đồng sáp nhập giữa Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV:**

Đề nghị ĐHĐCĐ thông qua nội dung Hợp đồng sáp nhập giữa 2 công ty (theo tài liệu đính kèm) và ủy quyền cho HĐQT đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng sáp nhập cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan và chỉ thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập.

**4.2.1.6 Các nội dung về tổ chức triển khai thực hiện:**

Đề nghị ĐHĐCĐ thông qua ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

+Quyết định các nội dung liên quan và ban hành các văn bản, tài liệu cần thiết để hoàn thành các nội dung nêu trên đây.

+Thành lập Công ty Than - Điện Nông Sơn TKV – chi nhánh Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP sau sáp nhập theo quy định.

+Đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng sáp nhập cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan giữa Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn – TKV và chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập; Ủy quyền cho người Tổng giám đốc ký kết và triển khai thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập.

+ Soát xét sửa đổi Điều lệ theo những nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm phần phụ lục của Điều lệ (chuyển Công ty cổ phần Than Điện Nông Sơn - TKV (sau khi chuyển đổi là Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc) và ban hành.

**4.3 Tờ trình 764, bao gồm các nội dung đề nghị Đại hội thông qua/phê duyệt, như sau:**

*4.3.1* Hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 với số tiền là: **26.438.539.485 đồng**;

*4.3.2* Chi trả cổ tức bổ sung (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại đến hết năm 2024 và từ nguồn hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu

tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024) với tỷ lệ là **8,8371%**, chi tiết phương án như sau:

| Stt | Diễn giải | Số tiền (đồng) |
|---|---|---|
| **1** | **Tổng số tiền chi trả cổ tức bổ sung** | **603.368.671.982** |
| | *Trong đó:* | |
| - | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 | 576.930.132.497 |
| - | Hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 | 26.438.539.485 |
| **2** | **Phương án chi trả cổ tức** | |
| **2.1** | **Tỷ lệ chia cổ tức** | **8,8371%** |
| **2.2** | **Chi trả cổ tức** | **603.368.445.332** |
| | *Trong đó: - Cổ đông TKV* | *598.986.149.535* |
| | *- Cổ đông khác ngoài TKV* | *4.382.295.797* |
| **3** | **Chênh lệch số tiền chi trả cổ tức phát sinh do làm tròn tỷ lệ cổ tức (3=1-2.2) (*)** | **226.650** |

*(*) Phần chênh lệch là 226.650 đồng phát sinh giữa Tổng số tiền chi trả cổ tức bổ sung và Tổng số tiền thực chi trả cổ tức theo tỷ lệ 8,8371% được giữ lại và tiếp tục hạch toán vào nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng công ty.*

### 5. Thảo luận và thông qua nội dung các Tờ trình:

Sau khi nghe trình bày các Tờ trình, Chủ tọa đề nghị các cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến, thảo luận về các nội dung được trình tại Đại hội.

Chủ tọa đề nghị Đại hội xem xét, thông qua việc sửa đổi một số nội dung của Tờ trình 767 và Tờ trình 773, cụ thể như sau:

(1) Đối với Tờ trình 767: Để bảo đảm tính chính xác, thống nhất về tên gọi, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp thực tế tại thời điểm Đại hội và nội dung diễn đạt, sửa đổi điểm b) khoản 2.2.2 Tờ trình 767 (tương ứng điểm b) của mục 4.1.2.2.2 Kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, mô hình tổ chức quản lý tại Biên bản này).

Nội dung đã trình:

*"Triển khai cơ cấu lại Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn (Tổng công ty nắm giữ 88,77% vốn điều lệ)".*

Nội dung sửa đổi:

*"Triển khai cơ cấu lại Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn (trước đây Tổng công ty nắm giữ 88,77% vốn điều lệ và đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn – TKV".*

(2) Đối với Tờ trình 773: Qua tổng hợp ý kiến của các cổ đông, cổ đông lớn TKV có ý kiến cần làm rõ thời điểm có hiệu lực của Điều lệ, cụ thể TKV đề nghị *"Nội dung sửa đổi Phụ lục về danh sách đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tại Điều lệ Tổng công ty có hiệu lực sau khi Tổng công ty hoàn thành thủ tục chuyển đổi Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV thành chi nhánh của Tổng công ty"*. Do vậy, đề xuất sửa đổi Tờ trình 773 như sau:

+ Sửa đổi khoản 1, mục III Tờ trình 773 (tương ứng mục 4.2.1.4.1 Biên bản này):

Nội dung đã trình:

*"Sửa đổi Phụ lục của Điều lệ: chuyển Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (sau khi chuyển đổi là Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc."*

Nội dung sửa đổi:

*"Sửa đổi Phụ lục của Điều lệ: chuyển Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (sau khi đã chuyển đổi thành chi nhánh của Tổng công ty) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc."*

+ Sửa đổi gạch đầu dòng thứ tư, từ trên xuống tại khoản 2, mục IV Tờ trình 773 (tương ứng dấu + thứ tư mục 4.2.1.6 Biên bản này).

Nội dung đã trình:

*"Soát xét sửa đổi Điều lệ theo những nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm phần phụ lục của Điều lệ (chuyển Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (sau khi chuyển đổi là Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc)."*

Nội dung sửa đổi:

*"Soát xét sửa đổi Điều lệ theo những nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm phần phụ lục của Điều lệ (chuyển Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (sau khi đã chuyển đổi thành chi nhánh của Tổng công ty) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc)."*

Sau khi Chủ tọa có ý kiến, không có cổ đông nào đăng ký phát biểu hoặc có ý kiến thêm tại Đại hội.

***Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung sửa đổi Tờ trình 767 và Tờ trình 773 nêu trên với tỷ lệ như sau:***

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694.377* | | *cổ phần.* |
| *Tán thành:* | *678.694.377* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

Trước khi bước vào phần biểu quyết nội dung các Tờ trình, Chủ toạ đã nhắc lại về cách thức biểu quyết tại Đại hội theo Quy chế làm việc. Đại hội đã thực hiện biểu quyết các nội dung bằng giơ thẻ biểu quyết cho các nội dung được yêu cầu biểu quyết. Đại hội đã tiến hành biểu quyết các Tờ trình.

Kết quả biểu quyết được Trưởng Ban kiểm phiếu đã báo cáo trước Đại hội chi tiết kết quả biểu quyết như sau:

**5.1 Tờ trình 767:**

Đại hội đồng cổ đông thông qua cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP giai đoạn 2026-2030 theo Tờ trình 767 với các nội dung đã được sửa đổi tại Đại hội, tỷ lệ biểu quyết như sau:

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694.377* | | *cổ phần.* |
| *Tán thành:* | *678.694.377* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

**5.2 Tờ trình 773:**

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng Công ty Điện lực TKV – CTCP theo Tờ trình 773 với các nội dung đã được sửa đổi tại Đại hội, tỷ lệ biểu quyết như sau:

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694.377* | | *cổ phần.* |
| *Tán thành:* | *678.694.377* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

**5.3 Tờ trình 764:**

Đại hội đã thông qua Tờ trình 764 về việc hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 và chi trả cổ tức bổ sung, tỷ lệ biểu quyết như sau:

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694.377* | | *cổ phần.* |
| *Tán thành:* | *678.694.377* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

**6. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:**

Thư ký Đại hội đã đọc toàn văn dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đã hiệu chỉnh theo các nội dung các Tờ trình sửa đổi được Đại hội thông qua trước toàn thể Đại hội.

Chủ tọa đã đề nghị Đại hội xem xét, thống nhất hiệu chỉnh một số nội dung trong các dự thảo Nghị quyết như sau:

***- Đối với Dự thảo nghị quyết 18/NQ-ĐHĐCĐ-2026 (Nghị quyết số 18):*** Do nội dung Tờ trình 767 sau sửa đổi đã được Đại hội thông qua, để đồng bộ với Tờ trình, đối với dự thảo Nghị quyết số 18, tại trang 3: hiệu chỉnh nội dung về việc cơ cấu lại Công ty Than - Điện Nông Sơn để cập nhật đúng tên gọi và loại hình doanh nghiệp hiện tại sau khi chuyển đổi từ công ty cổ phần sang công ty TNHH MTV, như nội dung sửa đổi Tờ trình 767 đã được Đại hội thông qua nêu trên. Cụ thể hiệu chỉnh:

Nội dung dự thảo Nghị quyết số 18 đã công bố:

*"Triển khai cơ cấu lại Công ty cổ phần Than – Điện Nông Sơn (Tổng công ty nắm giữ 88,77% vốn điều lệ)"*

Nội dung hiệu chỉnh:

*"Triển khai cơ cấu lại Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn (trước đây Tổng công ty nắm giữ 88,77% vốn điều lệ và đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV)".*

***- Đối với dự thảo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ-2026 (Nghị quyết số 19)*, bản tiếng Việt**, tại trang 1, mục 1.1: bổ sung cụm từ "thông qua" vào câu "Đại hội đồng cổ đông phương án sáp nhập..." thành "Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án sáp nhập..." để bảo đảm đầy đủ, chuẩn xác về mặt diễn đạt.

**- Đối với dự thảo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ-2026 (Nghị quyết số 19):** Do nội dung Tờ trình 773 sau sửa đổi đã được Đại hội thông qua, để đồng bộ với Tờ trình, bổ sung mục 1.4.4 của dự thảo Nghị quyết số 19:

Nội dung dự thảo Nghị quyết số 19 đã công bố:

*"Ủy quyền cho HĐQT cập nhật nội dung sửa đổi, bổ sung tương ứng vào Điều lệ Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và ban hành".*

Nội dung hiệu chỉnh:

*"Ủy quyền cho HĐQT cập nhật nội dung sửa đổi, bổ sung tương ứng vào Điều lệ Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và ban hành với hiệu lực vào thời điểm sau khi hoàn thành thủ tục chuyển đổi V.NSCP thành chi nhánh của Tổng công ty".*

Đồng thời, tại dấu + thứ tư mục 1.6 của dự thảo Nghị quyết số 19, bỏ đoạn "(chuyển Công ty cổ phần Than Điện Nông Sơn - TKV (sau khi chuyển đổi là Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc)" để không mâu thuẫn với mục 1.4.4 của dự thảo Nghị quyết số 19 sau sửa đổi, bổ sung.

***Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung hiệu chỉnh các dự thảo Biên bản 18, Nghị quyết số 18, 19 nêu trên với tỷ lệ như sau:***

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694. 275* | | *cổ phần.* |
| *Tán thành:* | *678.694. 275* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

***Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung Biên bản 18 và Nghị quyết số 18, 19 sau khi hiệu chỉnh nêu trên với tỷ lệ như sau:***

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (TSCPBQ):* | | | *678.694.275* | | *cổ phần.* |
| *Tán thành:* | *678.694.275* | *cổ phần=* | *100* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không tán thành:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |
| *Không có ý kiến:* | *0* | *cổ phần=* | *0* | *%* | *TSCPBQ* |

Với tỷ lệ tán thành 100%, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Sau khi Biên bản và Nghị quyết Đại hội đã được thông qua, một cổ đông có mặt tại Đại hội quan tâm đặt một số câu hỏi. Nội dung câu hỏi và vấn đề cổ đông quan tâm không thuộc phạm vi chương trình Đại hội, tuy nhiên đã được Chủ tọa và Lãnh đạo Tổng công ty giải đáp ngay tại Đại hội.

**7. Bế mạc Đại hội:**

Đại hội bế mạc vào hồi 10 giờ 45 phút cùng ngày, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Phạm Tuấn Ngọc - Chủ tọa Đại hội đã phát biểu bế mạc Đại hội.

| | |
|---|---|
| **TM. BAN THƯ KÝ**<br>**TRƯỞNG BAN** | **TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**<br>**CHỦ TỌA** |
| **Đặng Đình Toàn** | **CHỦ TỊCH HĐQT**<br>**Phạm Tuấn Ngọc** |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

Số: 18/NQ-ĐHĐCĐ-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

# NGHỊ QUYẾT
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025;*

*Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/6/2018;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP ("ĐLTKV" hoặc "Tổng công ty") ngày 26/12/2024;*

*Căn cứ Biên bản họp số 18/BB-ĐHĐCĐ-2026 ngày 23/11/2026 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 ("ĐHĐCĐ") Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP giai đoạn 2026 – 2030 theo Tờ trình số 767/TTr-ĐLTKV ngày 30/10/2026:**

Đại hội đồng cổ đông thông qua cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP giai đoạn 2026-2030, như sau:

**1.1 Mục tiêu:**

***1.1.1.*** Nâng cao hiệu quả hoạt động mọi mặt của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường phân cấp phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới, sáng tạo và thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực; đảm bảo an toàn và chăm lo tốt đời sống mọi mặt cho người lao động; quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra; thực hiện thắng lợi mục tiêu: "Đoàn kết - An toàn - Kỷ cương - Chuyên nghiệp - Đổi mới - Hiệu quả - Bền vững".

***1.1.2.*** Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tiếp tục giữ vai trò là đơn vị sản xuất điện, sản xuất than, đảm bảo vận hành an toàn, liên tục, ổn định các nhà máy điện hiện có; khai thác hiệu quả công suất nguồn điện; đồng thời góp phần thực hiện chuỗi giá trị than - điện của Tập đoàn thông qua việc sử dụng hiệu quả nguồn than nội bộ và phát huy cao nhất hiệu quả các thiết bị phát điện hiện có.

*1.1.3.* Hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, đồng thời nâng cao chất lượng tăng trưởng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; chuyển từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào duy trì quy mô sang tăng trưởng dựa trên nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu chi phí, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng tài sản, vốn đầu tư.

**1.2. Định hướng cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2026 – 2030:**

***1.2.1.* Lĩnh vực hoạt động**

***1.2.1.1.* Lĩnh vực hoạt động chính:**

Sản xuất điện (bao gồm quản lý và vận hành các nhà máy điện thuộc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP); Sản xuất than.

***1.2.1.2.* Lĩnh vực hỗ trợ trực tiếp:**

Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, quản lý kỹ thuật, an toàn, môi trường, vật tư, điều độ sản xuất và các hoạt động phục vụ trực tiếp cho sản xuất điện, sản xuất than.

***1.2.1.3.* Lĩnh vực khác:**

Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng nguồn điện, bảo vệ môi trường, tự động hoá, chuyển đổi số và các dự án điện mới theo chủ trương của TKV và khả năng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; đầu tư nghiên cứu, chuẩn bị phát triển chuyển đổi nhiên liệu, các dự án năng lượng tái tạo.

***1.2.2.* Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp, cơ cấu lại mô hình tổ chức quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP giai đoạn 2026 - 2030.**

***1.2.2.1.* Nguyên tắc sắp xếp, cơ cấu lại:**

Giữ ổn định mô hình tổ chức hai cấp bao gồm cấp Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và cấp chi nhánh trực thuộc. Trong đó:

- Cấp Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP: Thực hiện chức năng quản trị, điều hành tập trung, hoạch định chiến lược và kiểm soát các lĩnh vực trọng yếu.

- Cấp chi nhánh trực thuộc: Thực hiện chức năng tổ chức sản xuất, vận hành, sửa chữa, quản lý nhà máy và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao.

***1.2.2.2.* Kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, mô hình tổ chức quản lý:**

a) Tiếp tục duy trì 07 chi nhánh của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP:

- Công ty Nhiệt điện Na Dương;
- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn;
- Công ty Nhiệt điện Sơn Động;
- Công ty Nhiệt điện Đông Triều;
- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả;
- Công ty Thủy điện Đồng Nai 5;
- Ban Quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II.

b) Đối với Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn:

Triển khai cơ cấu lại Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn (trước đây Tổng công ty nắm giữ 88,77% vốn điều lệ và đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Than-Điện Nông Sơn - TKV) thành chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP nhằm đồng bộ mô hình tổ chức, tăng hiệu quả điều hành và quản trị tập trung trong toàn Tổng công ty.

c) Tiếp tục duy trì vốn góp của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tại 03 công ty liên kết:

- Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;
- Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1.

*1.3* ĐHĐCĐ giao HĐQT Tổng công ty: *(i)* Căn cứ các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình và tổ chức triển khai thực hiện; quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung cụ thể theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty; *(ii)* Chỉ đạo triển khai việc cơ cấu lại Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV thành chi nhánh trực thuộc Tổng công ty; thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; *(iii)* Trong quá trình triển khai, trường hợp phát sinh nội dung cần điều chỉnh do thay đổi quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc điều kiện thực tế, giao HĐQT xem xét, quyết định theo thẩm quyền; đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

**Điều 2: Hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 và chi trả cổ tức bổ sung theo Tờ trình số 764/TTr-ĐLTKV ngày 29/10/2026:**

ĐHĐCĐ thông qua theo Tờ trình số 764 /TTr-ĐLTKV ngày 29/10/2026 các nội dung sau:

*2.1* Hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 với số tiền là: **26.438.539.485 đồng**;

*2.2* Chi trả cổ tức bổ sung (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại đến hết năm 2024 và từ nguồn hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024) với tỷ lệ là **8,8371%**, chi tiết phương án như sau:

| Stt | Diễn giải | Số tiền (đồng) |
|---|---|---|
| **1** | **Tổng số tiền chi trả cổ tức bổ sung** | **603.368.671.982** |
| | *Trong đó:* | |
| - | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 | 576.930.132.497 |
| - | Hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 | 26.438.539.485 |
| **2** | **Phương án chi trả cổ tức** | |

| | | |
|---|---|---|
| 2.1 | **Tỷ lệ chia cổ tức** | **8,8371%** |
| 2.2 | **Chi trả cổ tức** | **603.368.445.332** |
| | *Trong đó: - Cổ đông TKV* | *598.986.149.535* |
| | *- Cổ đông khác ngoài TKV* | *4.382.295.797* |
| 3 | **Chênh lệch số tiền chi trả cổ tức phát sinh do làm tròn tỷ lệ cổ tức (3=1-2.2) (*)** | **226.650** |

*(*) Phần chênh lệch là 226.650 đồng phát sinh giữa Tổng số tiền chi trả cổ tức bổ sung và Tổng số tiền thực chi trả cổ tức theo tỷ lệ 8,8371% được giữ lại và tiếp tục hạch toán vào nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng công ty.*

***2.3*** ĐHĐCĐ giao HĐQT chỉ đạo triển khai thực hiện chi trả cổ tức tuân thủ quy định của pháp luật.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP thông qua ngày 23/11/2026 và hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

***Nơi nhận:***
- Cổ đông của Tổng công ty (e-copy);
- HĐQT; Ban KS (e-copy);
- Ban TGĐ (e-copy);
- Tk.HĐQT (để CBTT);
- Lưu VT, hồ sơ ĐHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

M.S.D.N: 0104297034 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
P. YÊN HÒA - T.P HÀ NỘI

**Phạm Tuấn Ngọc**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

Số: 19/NQ-ĐHĐCĐ-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

# NGHỊ QUYẾT
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025;*

*Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/6/2018;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP ("ĐLTKV" hoặc "Tổng công ty") ngày 26/12/2024;*

*Căn cứ Biên bản họp số 18/BB-ĐHĐCĐ-2026 ngày 23/11/2026 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Sáp nhập Công ty TNHH MTV Than-Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP theo Tờ trình số 773/TTr-ĐLTKV ngày 30/10/2026:**

**1.1 Phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than-Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP:**

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than-Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP, như sau:

***1.1.1* Công ty bị sáp nhập:**

Tên công ty trước khi chuyển đổi: Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV.

Tên công ty sau khi chuyển đổi: Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV.

Địa chỉ: Thôn Trung Thượng, xã Nông Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000463735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 23/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2026.

Vốn điều lệ: 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)

Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV được thành lập theo Quyết định số 154/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Ngày 26/02/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than

- Khoáng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 419/QĐ-HĐQT về việc chuyển Công ty thành Công ty con của Tổng Công ty Điện lực - TKV kể từ ngày 01/01/2010.

Ngành nghề hoạt động chính:

- Khai thác, chế biến và tiêu thụ than.

- Sản xuất điện.

***1.1.2* Phương thức sáp nhập:**

Sau khi mua lại toàn bộ cổ phần để thực hiện sáp nhập thì Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP sở hữu 100% vốn điều lệ và là chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Than Điện Nông Sơn – TKV(CTCP Than - Điện Nông Sơn – TKV chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV), Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK) nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV (V.NSCP) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của V.NSCP sang DTK, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của V.NSCP.

**1.2. Phương án sản xuất kinh doanh sau sáp nhập:**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP sau sáp nhập như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2026 (dự kiến) | Năm 2027 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Kế hoạch (*) | % tăng giảm so với năm 2026 |
| 1 | Doanh thu (tỷ đồng) | 12.964 | 14.057 | 14117,8 | 100,43% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 712,91 | 726,90 | 717,16 | 98,66% |
| 3 | Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/doanh thu | 5,5% | 5,17% | 5,08% | 98,26% |
| 4 | Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu | 10,4% | 10,7% | 10,5% | 98,66% |
| 5 | Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá (**) | 6% | ≥ 3,5% | ≥ 3,5% | 0% |

*(*)Số liệu kế hoạch SXKD năm 2027 sẽ được chuẩn xác tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.*

*(**) Tỷ lệ cổ tức thực tế từ kết quả SXKD năm 2026 (không bao gồm việc chi trả cổ tức (8,8371%) tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026), 2027 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027, 2028 xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026, 2027.*

**1.3. Phương án sử dụng lao động:**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP kế thừa toàn bộ lao động, các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ lao động của Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông

Sơn - TKV. Công ty có quyền sắp xếp lại lao động (nếu cần) và thực hiện mọi công việc liên quan đến người lao động theo quy định của Pháp luật.

**1.4 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty sau khi sáp nhập V.NSCP vào DTK:**

*1.4.1.* Sửa đổi Phụ lục của Điều lệ: chuyển Công ty cổ phần Than Điện Nông Sơn - TKV (sau khi đã chuyển đổi thành Chi nhánh của Tổng công ty) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc.

*1.4.2.* Cập nhật địa chỉ Tổng công ty theo địa danh hành chính mới:

- Địa chỉ trụ sở chính (cũ): Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính (mới): Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

*1.4.3* Cập nhật họ tên, chữ ký của các thành viên HĐQT tại thời điểm hiện tại; Cập nhật thông tin về Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ và ngày ban hành Điều lệ sửa đổi lần này.

*1.4.4* Ủy quyền cho HĐQT cập nhật nội dung sửa đổi, bổ sung tương ứng vào Điều lệ Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP và ban hành với hiệu lực vào thời điểm sau khi hoàn thành thủ tục chuyển đổi V.NSCP thành Chi nhánh của Tổng công ty.

**1.5. Hợp đồng sáp nhập giữa Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV:**

ĐHĐCĐ thông qua nội dung Hợp đồng sáp nhập giữa 2 công ty (theo tài liệu đính kèm) và ủy quyền cho HĐQT đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng sáp nhập cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan và chỉ thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập.

**1.6 Các nội dung về tổ chức triển khai thực hiện:**

ĐHĐCĐ thông qua ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

+Quyết định các nội dung liên quan và ban hành các văn bản, tài liệu cần thiết để hoàn thành các nội dung nêu trên đây.

+Thành lập Công ty Than - Điện Nông Sơn TKV – chi nhánh Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP sau sáp nhập theo quy định.

+Đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng sáp nhập cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan giữa Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn – TKV và chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập; Ủy quyền cho Tổng giám đốc ký kết và triển khai thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập.

+ Soát xét sửa đổi Điều lệ theo những nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm phần phụ lục của Điều lệ và ban hành.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP thông qua ngày 23/11/2026 và hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

***Nơi nhận:***
- Cổ đông của Tổng công ty (e-copy);
- HĐQT; Ban KS (e-copy);
- Ban TGĐ (e-copy);
- Tk.HĐQT (để CBTT);
- Lưu VT, hồ sơ ĐHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

M.S.D.N: 0104297034 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
P. YÊN HÒA - TP. HÀ NỘI

**Phạm Tuấn Ngọc**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC- TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

# BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
## Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
## Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP

Hôm nay, vào lúc 8h00 phút ngày 23 tháng 11 năm 2026, tại Trụ sở Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (Hội trường tầng 5 Toà nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội). Ban kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, gồm có:

1. Ông: Ngô Văn Điện - Phó Trưởng Phòng Pháp chế: Trưởng Ban
2. Bà: Trương Thị Hồng Liên - Phó Trưởng Phòng TCNS: Thành viên
3. Bà: Nguyễn Bảo Quyên - Chuyên viên Văn phòng: Thành viên
4. Bà: Phạm Thị Thùy Linh - Chuyên viên Phòng Pháp chế: Thành viên
5. Bà: Nguyễn Thị Thanh Phương - Chuyên viên Phòng KTTC: Thành viên

Đã thực hiện kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, thời gian từ lúc 8 giờ 00 phút đến 8 giờ 30 phút. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông cụ thể như sau:

- Tổng số Cổ đông của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP là **1.402 Cổ đông**, trong đó gồm: 09 Cổ đông tổ chức và 1.393 Cổ đông thể nhân.

- Tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP là **682.767.475 Cổ phần**

- Tổng số Cổ đông được triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông là **1.402 Cổ đông** đại diện cho **682.767.475 Cổ phần** (tương ứng với 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết).

- Tổng số Cổ đông hợp lệ có mặt và tham dự đại hội là: **13 Cổ đông**, sở hữu và đại diện cho: **678.694.377 Cổ phần**, chiếm: **99,40%** Cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.

Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP thì Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đủ điều kiện tiến hành.

Danh sách các cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 được đính kèm Biên bản này.

Biên bản này được lập xong vào hồi 8 giờ 30 phút cùng ngày./.

**BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

**CÁC THÀNH VIÊN**

**1. Trương Thị Hồng Liên**

**2. Nguyễn Bảo Quyên**

**3. Phạm Thị Thùy Linh**

**4. Nguyễn Thị Thanh Phương**

**TRƯỞNG BAN**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

**Ngô Văn Điện**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

# BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
# TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV-CTCP

Hôm nay, ngày 23 tháng 11 năm 2026 chúng tôi được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP bầu vào Ban Kiểm phiếu, gồm có:

1. Ông Ngô Văn Điện - Phó Trưởng Phòng PC: Trưởng Ban
2. Bà Trương Thị Hồng Liên - Phó Trưởng Phòng TCNS: Thành viên
3. Bà Nguyễn Bảo Quyên - Chuyên viên Văn phòng: Thành viên
4. Bà Phạm Thị Thùy Linh - Chuyên viên Phòng PC: Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Chuyên viên Phòng KTTC: Thành viên

Đã thực hiện kiểm phiếu biểu quyết đối các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, cụ thể như sau:

Số Cổ đông có mặt là: **13 người**, là cổ đông và ủy quyền của cổ đông sở hữu **678.694.377 Cổ phần**, chiếm tỷ lệ: **99,40%** Cổ phần có quyền biểu quyết. Các Cổ đông đã thực hiện biểu quyết các nội dung trong Chương trình đại hội, kết quả biểu quyết như sau:

**I. Về kết quả biểu quyết nội dung điều chỉnh ở Tờ trình số 767 và Tờ trình số 773 ngày 30 tháng 10 năm 2026**

| Nội dung | Số lượng Cổ phần | Tỷ lệ %/số cổ phần có mặt | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| Số cổ phần tán thành | **678.694.377** | **100%** | |
| Số cổ phần không tán thành | **0** | **0%** | |
| Số cổ phần không có ý kiến | **0** | **0%** | |

**II. Về kết quả biểu quyết các Tờ trình**

**1. Tờ trình số 767 ngày 30 tháng 10 năm 2026 về thông qua cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP giai đoạn 2026-2030 với các nội dung đã được điều chỉnh tại Đại hội.**

| Nội dung | Số lượng Cổ phần | Tỷ lệ %/số cổ phần có mặt | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| Số cổ phần tán thành | **678.694.377** | **100%** | |
| Số cổ phần không tán thành | **0** | **0%** | |
| Số cổ phần không có ý kiến | **0** | **0%** | |

**2. Tờ trình số 773 ngày 30 tháng 10 năm 2026 Về việc phê duyệt phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng Công ty Điện lực TKV – CTCP với các nội dung đã được điều chỉnh tại Đại hội.**

| Nội dung | Số lượng Cổ phần | Tỷ lệ %/số cổ phần có mặt | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| Số cổ phần tán thành | **678.694.377** | **100%** | |
| Số cổ phần không tán thành | **0** | **0%** | |
| Số cổ phần không có ý kiến | **0** | **0%** | |

**3. Tờ trình số 764 ngày 29 tháng 10 năm 2026 về việc hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 và chi trả cổ tức bổ sung.**

| Nội dung | Số lượng Cổ phần | Tỷ lệ %/số cổ phần có mặt | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| Số cổ phần tán thành | **678.694.377** | **100%** | |
| Số cổ phần không tán thành | **0** | **0%** | |
| Số cổ phần không có ý kiến | **0** | **0%** | |

Như vậy, với kết quả biểu quyết nêu trên, căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH114 ngày 17/6/2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV, thì các nội dung nêu trên đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 của Tổng công ty Điện lực - TKV thông qua.

Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ 30 phút cùng ngày./.

**BAN KIỂM KIỂM PHIẾU**

**CÁC THÀNH VIÊN**

**1. Trương Thị Hồng Liên**

**2. Nguyễn Bảo Quyên**

**3. Phạm Thị Thùy Linh**

**4. Nguyễn Thị Thanh Phương**

**TRƯỞNG BAN**

**Ngô Văn Điện**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

Số: 767 /TTr-ĐLTKV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

# TỜ TRÌNH
## Về việc thông qua cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP ("ĐLTKV" hoặc "Tổng công ty") ngày 26/12/2024;*

Nhằm tổ chức triển khai thống nhất, phù hợp với mô hình quản trị của Tổng công ty và làm cơ sở thực hiện các nội dung cơ cấu lại trong giai đoạn 2026 - 2030, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua các nội dung như sau:

### I. Các nội dung cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP giai đoạn 2026 - 2030

#### 1. Mục tiêu

1.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động mọi mặt của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường phân cấp phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới, sáng tạo và thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực; đảm bảo an toàn và chăm lo tốt đời sống mọi mặt cho người lao động; quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra; thực hiện thắng lợi mục tiêu: "Đoàn kết - An toàn - Kỷ cương - Chuyên nghiệp - Đổi mới - Hiệu quả - Bền vững".

1.2. Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tiếp tục giữ vai trò là đơn vị sản xuất điện, sản xuất than, đảm bảo vận hành an toàn, liên tục, ổn định các nhà máy điện hiện có; khai thác hiệu quả công suất nguồn điện; đồng thời góp phần thực hiện chuỗi giá trị than - điện của Tập đoàn thông qua việc sử dụng hiệu quả nguồn than nội bộ và phát huy cao nhất hiệu quả các thiết bị phát điện hiện có.

1.3. Hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, đồng thời nâng cao chất lượng tăng trưởng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; chuyển từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào duy trì quy mô sang tăng trưởng dựa trên nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu chi phí, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng tài sản, vốn đầu tư.

#### 2. Định hướng cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2026 - 2030

**2.1. Lĩnh vực hoạt động**

**2.1.1. Lĩnh vực hoạt động chính:**

Sản xuất điện (bao gồm quản lý và vận hành các nhà máy điện thuộc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP); sản xuất than.

**2.1.2. Lĩnh vực hỗ trợ trực tiếp:**

Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, quản lý kỹ thuật, an toàn, môi trường, vật tư, điều độ sản xuất và các hoạt động phục vụ trực tiếp cho sản xuất điện, sản xuất than.

**2.1.3. Lĩnh vực khác:**

Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng nguồn điện, bảo vệ môi trường, tự động hoá, chuyển đổi số và các dự án điện mới theo chủ trương của TKV và khả năng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP; đầu tư nghiên cứu, chuẩn bị phát triển chuyển đổi nhiên liệu, các dự án năng lượng tái tạo.

**2.2. Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp, cơ cấu lại mô hình tổ chức quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP giai đoạn 2026 - 2030.**

**2.2.1. Nguyên tắc sắp xếp, cơ cấu lại:**

Giữ ổn định mô hình tổ chức hai cấp bao gồm cấp Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và cấp chi nhánh trực thuộc. Trong đó:

- Cấp Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP: Thực hiện chức năng quản trị, điều hành tập trung, hoạch định chiến lược và kiểm soát các lĩnh vực trọng yếu.

- Cấp chi nhánh trực thuộc: Thực hiện chức năng tổ chức sản xuất, vận hành, sửa chữa, quản lý nhà máy và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao.

**2.2.2. Kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, mô hình tổ chức quản lý:**

a) Tiếp tục duy trì 07 chi nhánh của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP:

- Công ty Nhiệt điện Na Dương;

- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn;

- Công ty Nhiệt điện Sơn Động;

- Công ty Nhiệt điện Đông Triều;

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả;

- Công ty Thủy điện Đồng Nai 5;

- Ban Quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II.

b) Đối với Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn:

Triển khai cơ cấu lại Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn (Tổng công ty nắm giữ 88,77% vốn điều lệ) thành chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công

ty Điện lực TKV - CTCP nhằm đồng bộ mô hình tổ chức, tăng hiệu quả điều hành và quản trị tập trung trong toàn Tổng công ty.

c) Tiếp tục duy trì vốn góp của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tại 03 công ty liên kết:

- Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;
- Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1.

**II. HĐQT Tổng công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua:**

1. Thông qua các nội dung cơ cấu lại Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP giai đoạn 2026 - 2030 như trình bày tại Mục I.

2. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty căn cứ các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình và tổ chức triển khai thực hiện; quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung cụ thể theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

3. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ đạo triển khai việc cơ cấu lại Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV thành chi nhánh trực thuộc Tổng công ty; thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trong quá trình triển khai, trường hợp phát sinh nội dung cần điều chỉnh do thay đổi quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc điều kiện thực tế, giao Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền; đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

***Nơi nhận:***
- Như kính gửi;
- HĐQT, ĐU, BKS (e-copy);
- Ban lãnh đạo điều hành (e-copy);
- Công đoàn, Đoàn TN (e-copy);
- Các phòng ĐLTKV (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, T.ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

**Phạm Tuấn Ngọc**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

Số: **773** /TTr-ĐLTKV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

# TỜ TRÌNH
## Về việc phê duyệt phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025;*

*Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/6/2018;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (Tổng công ty/ĐLTKV) ngày 26/12/2024.*

Nhằm phát huy và tập trung nguồn lực, tái cơ cấu hoạt động các đơn vị trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (sau đây gọi tắt là "DTK"), thống nhất trong quản trị, Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV (sau đây gọi tắt là "V.NSCP") vào Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP như sau:

**I. PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP CÔNG TY TNHH MTV THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV VÀO TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP:**

**1. Công ty bị sáp nhập:**

Tên công ty trước khi chuyển đổi: Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV.

Tên công ty sau khi chuyển đổi: Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV

Địa chỉ: Thôn Trung Thượng, xã Nông Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000463735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 23/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/07/2025, thay đổi lần thứ 12 sẽ được Sở Tài chính TP Đà Nẵng cấp sau khi nhận được Hồ sơ chuyển sang Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV.

Vốn điều lệ: 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)

Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV được thành lập theo Quyết định số 154/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Ngày 26/02/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 419/QĐ-HĐQT về việc chuyển

Công ty thành Công ty con của Tổng Công ty Điện lực - TKV kể từ ngày 01/01/2010.

Ngành nghề hoạt động chính:

- Khai thác, chế biến và tiêu thụ than.

- Sản xuất điện.

**2. Phương thức sáp nhập:**

Sau khi mua lại toàn bộ cổ phần để thực hiện sáp nhập thì Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP sở hữu 100% vốn điều lệ và là chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV(CTCP Than - Điện Nông Sơn - TKV chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV), Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK) sẽ nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV (V.NSCP) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của V.NSCP sang DTK, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của V.NSCP.

**II. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU SÁP NHẬP:**

**1. Phương án sản xuất kinh doanh sau sáp nhập:**

Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại V.NSCP trước khi thực hiện mua lại và sáp nhập là 88,77% vì vậy hoạt động của V.NSCP phần lớn đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Sau khi hoàn thành việc mua lại và sáp nhập, Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường như trước khi sáp nhập. Đối với các hợp đồng mua bán điện của V.NSCP, Tổng công ty sẽ không gặp khó khăn trong việc chuyển chủ thể ký hợp đồng trong trường hợp sáp nhập.

Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP sau sáp nhập như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2026 (dự kiến) | Năm 2027 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Kế hoạch (*) | % tăng giảm so với năm 2026 |
| 1 | Doanh thu (tỷ đồng) | 12.964 | 14.057 | 14117,8 | 100,43% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 712,91 | 726,90 | 717,16 | 98,66% |
| 3 | Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/doanh thu | 5,5% | 5,17% | 5,08% | 98,26% |
| 4 | Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu | 10,4% | 10,7% | 10,5% | 98,66% |
| 5 | Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá (**) | 6% | ≥ 3,5% | ≥ 3,5% | 0% |

*(*) Theo số liệu tại văn bản số 7202/TKV-KH ngày 15/10/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam v/v xin ý kiến kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2027.*

*(**) Năm 2026 DTK đã thực hiện chia cổ tức trên kết quả SXKD của năm 2025 với tỷ lệ 6%/ mệnh giá. Tại kỳ ĐHĐCĐ bất thường lần này sẽ tiếp tục thông qua ĐHĐCĐ phương án chi trả cổ tức bổ sung với tỷ lệ dự kiến là 8,8371%/mệnh giá. Việc chi trả bổ sung này có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ chi trả cổ tức thực hiện của năm 2026 (được thực hiện vào kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2027) và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2027 (được thực hiện vào kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2028). Tỷ lệ chi trả cổ tức thực tế của năm 2026, 2027 sẽ được ĐHĐCĐ thường niên các năm 2027, 2028 thông qua.*

**2. Phương án sử dụng lao động:**

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động của V.NSCP, dự kiến toàn bộ người lao động của Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV vẫn tiếp tục làm việc như cũ sau khi thực hiện sáp nhập. Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP sẽ kế thừa toàn bộ lao động, các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ lao động của Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV. Công ty có quyền sắp xếp lại lao động (nếu cần) và thực hiện mọi công việc liên quan đến người lao động theo quy định của Pháp luật.

**III. ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY SAU SÁP NHẬP:**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hiện là công ty đại chúng đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), do vậy Điều lệ của Tổng công ty đã tuân thủ theo Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng.

Trước khi thực hiện việc mua lại cổ phần của V.NSCP, DTK nắm giữ 88,77% vốn điều lệ V.NSCP, các cổ đông còn lại nắm giữ 11,23% vốn điều lệ V.NSCP. DTK thực hiện nhận chuyển nhượng toàn bộ 11,23% cổ phần của các cổ đông còn lại tại V.NSCP. Do chỉ còn lại 01 cổ đông là DTK nắm giữ 100% V.NSCP nên theo Điều 203- Luật Doanh nghiệp 2020, V.NSCP phải thực hiện chuyển đổi từ CTCP thành Công ty TNHH MTV trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày DTK hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng cổ phần.

Sau khi thực hiện mua lại toàn bộ cổ phần và sáp nhập Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng công ty, Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP vẫn phù hợp với các quy định của Pháp luật liên quan sẽ tiếp tục được sử dụng, ngoại trừ đề xuất sửa đổi một số nội dung có liên quan đến nội dung sáp nhập và tình hình hoạt động thực tế của Tổng công ty, cụ thể:

1. Sửa đổi Phụ lục của Điều lệ: chuyển Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (sau khi chuyển đổi là Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc.

2. Cập nhật địa chỉ theo địa danh hành chính mới:

- Địa chỉ trụ sở chính (cũ): Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính (mới): Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. Cập nhật Họ tên, chữ ký của các thành viên HĐQT tại thời điểm hiện tại; Cập nhật thông tin về Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ và ngày ban hành Điều lệ sửa đổi lần này.

**IV. HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP GIỮA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP VÀ CÔNG TY TNHH MTV THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV:**

HĐQT kính trình các cổ đông thông qua nội dung Hợp đồng sáp nhập giữa 2 công ty (theo tài liệu đính kèm) và ủy quyền cho HĐQT đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng sáp nhập cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan; ủy quyền cho Tổng giám đốc - người đại diện pháp luật của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập.

**V. KIẾN NGHỊ:**

Để việc sáp nhập V.NSCP vào DTK được thực hiện theo đúng tiến độ dự kiến và đáp ứng yêu cầu SXKD hiện nay, trên cơ sở các nội dung trình ĐHĐCĐ nêu trên, HĐQT Tổng công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Phương án sáp nhập V.NSCP vào DTK, phương án SXKD sau sáp nhập, điều lệ Tổng công ty sau sáp nhập, hợp đồng sáp nhập, thành lập Công ty Than - Điện Nông Sơn TKV - chi nhánh Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP sau sáp nhập.

2. Phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

- Quyết định các nội dung liên quan và ban hành các văn bản, tài liệu cần thiết để hoàn thành các nội dung nêu tại mục 1 trên đây.

- Đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng sáp nhập cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan giữa Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV và chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập; Ủy quyền cho Tổng giám đốc ký kết và triển khai thực hiện các nội dung trong Hợp đồng sáp nhập.

- Thành lập Công ty Than - Điện Nông Sơn TKV - chi nhánh Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP sau sáp nhập theo quy định.

- Soát xét sửa đổi Điều lệ theo những nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm phần phụ lục của Điều lệ (chuyển Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (sau khi chuyển đổi là Công ty TNHH MTV Than - Điện Nông Sơn - TKV) từ danh sách công ty con sang danh sách các đơn vị trực thuộc).

Kính trình Đại hội./.

***Nơi nhận:***
- Như kính gửi;
- HĐQT, ĐU, BKS (e-copy);
- Ban lãnh đạo điều hành (e-copy);
- Công đoàn, Đoàn TN (e-copy);
- Các phòng ĐLTKV (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, T.ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**




**Phạm Tuấn Ngọc**

DỰ THẢO

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

# ĐIỀU LỆ

## TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

*Hà Nội, tháng năm 2026*

# MỤC LỤC

**Phần mở đầu** **5**

**Chương I. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ** **6**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 6

**Chương II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời gian hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty** **8**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời gian hoạt động của Tổng công ty 8

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty 9

**Chương III. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty 9**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty 9

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty 11

**Chương IV. Vốn điều lệ, cổ phần** **12**

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 12

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 14

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông 15

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 15

Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần 17

**Chương V. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát** **18**

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty: 18

**Chương VI. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông** **18**

Điều 12. Quyền của cổ đông 18

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 20

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 22

Điều 16. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ 24

Điều 17. Thay đổi các quyền 26

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ 27

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ 28

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ 29

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua 31

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ 32

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ 34

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ 34

**Chương VII. Hội đồng quản trị 35**
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT 35
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 36
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT 37
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT 40
Điều 29. Chủ tịch HĐQT 41
Điều 30. Cuộc họp của HĐQT 41
Điều 31. Các tiểu ban của HĐQT 45
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty 45
**Chương VIII. Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty 46**
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 46
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty 47
Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 47
**Chương IX. Ban Kiểm soát Tổng công ty 50**
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên BKS (Thành viên BKS) 50
Điều 37. Thành phần BKS 51
Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát 52
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của BKS 52
Điều 40. Cuộc họp của BKS 55
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS 55
**Chương X. Bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát 56**
Điều 42. Bầu HĐQT và BKS 56
**Chương XI. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ điều hành khác 56**
Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành 56
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 57
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 58
**Chương XII. Quản lý điều hành, quan hệ phối hợp giữa Công ty mẹ với nhóm Công ty mẹ - Công ty con và Tập đoàn 59**
Điều 46. Nguyên tắc tổ chức quản lý, điều hành của Công ty mẹ trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con 59
Điều 47. Quản lý điều hành nhóm Công ty mẹ - Công ty con thông qua Công ty mẹ 59
Điều 48. Quan hệ phối hợp chung trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con 61
Điều 49. Quan hệ giữa Công ty mẹ với các công ty con 61
Điều 50. Quan hệ giữa Công ty mẹ và công ty liên kết 63
Điều 51. Quan hệ giữa Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc 63
Điều 52. Quan hệ của Công ty mẹ - Tổng công ty đối với TKV 63

**CHƯƠNG XIII. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Tổng công ty 63**
Điều 53. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 63
**Chương XIV. Người lao động, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty 64**
Điều 54. Người lao động, Công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội 64
**Chương XV. Phân phối lợi nhuận 65**
Điều 55. Phân phối lợi nhuận 65
Điều 56. Cổ tức 65
**Chương XVI. Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán 66**
Điều 57. Tài khoản ngân hàng 66
Điều 58. Năm tài chính 66
Điều 59. Chế độ kế toán 66
**Chương XVII. Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng 66**
Điều 60. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý 66
Điều 61. Báo cáo thường niên 67
Điều 62. Công khai thông tin 67
**Chương XVIII. Kiểm toán Tổng công ty 67**
Điều 63. Kiểm toán 67
**Chương XIX. Dấu của Tổng công ty 68**
Điều 64. Dấu của Tổng công ty 68
**Chương XX. Giải thể Tổng công ty 68**
Điều 65. Giải thể Tổng công ty 68
Điều 66. Thanh lý 69
**Chương XXI. Giải quyết tranh chấp nội bộ 69**
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ 69
**Chương XXII. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 70**
Điều 68. Điều lệ Tổng công ty 70
Điều 69. Hiệu lực thi hành 70
**Phụ lục Danh sách các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP 72**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐIỀU LỆ
# TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
# Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

## PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (sau đây được viết tắt là "Tổng công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và được cổ phần hóa theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua ngày 10/8/2021 và tiếp tục được Hội đồng quản trị sửa đổi: (i) điều khoản về mức vốn Điều lệ theo Nghị quyết số 77/NQ-ĐLTKV ngày 30/12/2021 nhằm phản ánh quy mô vốn điều lệ mới phù hợp với ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 07/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 10/8/2021; (ii) bổ sung Ban quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP vào danh sách các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty tại phần Phụ lục của Điều lệ theo Nghị quyết số 27/NQ-ĐLTKV ngày 24/5/2024 phù hợp với ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 13/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 24/4/2024; (iii) thay đổi địa chỉ trụ sở chính quy định tại Khoản 6 Điều 2 của Điều lệ theo Nghị quyết số 72/NQ-ĐLTKV ngày 26/12/2024 phù hợp với ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 13/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 24/4/2024. (iv) sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 19/NQ-ĐHĐCĐ-2026 ngày 23/11/2026.

Các phụ lục và các văn bản sửa đổi điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Tổng công ty. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các quy định của Tổng công ty, khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để Tổng công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh.

# Chương I
# ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ:**

1. Trong Điều lệ này những thuật ngữ được hiểu như sau:

a) "Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP" (sau đây được viết tắt là ĐLTKV hoặc Tổng công ty), là Công ty Cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo quy định của Pháp luật.

b) "Nhóm Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP là nhóm Công ty không có tư cách pháp nhân gồm:

- Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (doanh nghiệp cấp I);
- Công ty con của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (doanh nghiệp cấp II);
- Các Công ty liên kết của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP. Nhóm Công ty mẹ - Công ty con có tối đa 2 cấp doanh nghiệp là doanh nghiệp cấp I và doanh nghiệp cấp II.

c) "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức chi nhánh hoặc văn phòng đại diện. Danh sách các đơn vị trực thuộc Tổng công ty tại thời điểm ban hành Điều lệ được nêu tại phụ lục của Điều lệ này.

d) "Công ty con" là doanh nghiệp do Tổng công ty giữ quyền chi phối (trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông), được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài. Danh sách các công ty con của Tổng công ty tại thời điểm ban hành Điều lệ được nêu tại phụ lục của Điều lệ này.

e) "Công ty liên kết" là doanh nghiệp mà Tổng công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không ở mức chi phối theo quy định của Pháp luật.

f) "Quyền chi phối của Tổng công ty" là quyền của Tổng công ty (với tư cách là công ty mẹ nắm giữ cổ phần hoặc vốn góp chi phối hoặc nắm giữ quyền khai thác tài nguyên khoáng sản được Nhà nước cấp giấy phép khai thác, hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của công ty con) quyết định đối với Điều lệ hoạt động, nhân sự chủ chốt, tổ chức quản lý, thị trường, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các quyết định quan trọng khác của công ty con theo Điều lệ của công ty con hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty với công ty con đó.

g) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tổng công ty được viết tắt là "HĐQT".

h) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

i) "Vốn điều lệ" có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

k) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 28/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

l) "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 20/11/2019.

m) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

n) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

o) "Người quản lý Tổng công ty" có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ này.

p) "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

q) "Người có liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán 2019.

s) "Cổ đông" có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty và phải được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty.

t) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền được biểu quyết do Tổng công ty phát hành.

u) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

v) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

x) "Sở Giao dịch Chứng khoán" là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

y) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

z) "Tập đoàn" hoặc "TKV" là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Một số từ viết tắt:

- HĐQT: Hội đồng quản trị;
- BKS: Ban Kiểm soát;
- UBND: Ủy ban nhân dân;
- VNĐ: đồng Việt Nam;
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. ĐHĐCĐ lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

4. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

5. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## Chương II
## TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời gian hoạt động của Tổng công ty:**

1. Tên của Tổng công ty:

a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

b. Tên rút gọn: Tổng công ty Điện lực - TKV

c. Tên giao dịch quốc tế: VINACOMIN - POWER HOLDING CORPORATION

d. Tên viết tắt: ĐLTKV

2. Tổng công ty có biểu tượng riêng như sau:

VINACOMIN POWER

Quy chuẩn cụ thể của Biểu tượng theo bộ nhận diện ĐLTKV do HĐQT ban hành.

3. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Tổng công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Tổng công ty và quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.

5. Tổng công ty được sử dụng nhãn hiệu "TKV" và "VINACOMIN" của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trong tên gọi của Tổng công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Tổng công ty là một thành viên.

6. Trụ sở Tổng công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (+84) 24 3516 1605
- Fax: (+84) 24 3516 1610
- Email: vp@vinacominpower.vn
- Website: http://www.dienluctkv.vn/

7. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi pháp luật cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 65 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:**

Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Tổng công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

## Chương III
## MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:**

1. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Tổng công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

| TT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. | 0810 |
| 2 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng không nung.) | 3290 |
| 3 | Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện). | 7020 |

| TT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 4 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (Chi tiết: Thiết kế các sản phẩm cơ khí, thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.) | 7110 |
| 5 | Vận tải hành khách đường sắt. | 4911 |
| 6 | Vận tải hàng hóa đường sắt. | 4912 |
| 7 | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). | 4931 |
| 8 | Vận tải hành khách đường bộ khác. | 4932 |
| 9 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. | 4933 |
| 10 | Vận tải hành khách đường thủy nội địa. | 5021 |
| 11 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. | 5022 |
| 12 | Sản xuất sản phẩm chịu lửa. | 2391 |
| 13 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. | 2392 |
| 14 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. | 2394 |
| 15 | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. | 2512 |
| 16 | Sản xuất các cấu kiện kim loại. (Chi tiết: Chế tạo, lắp ráp các sản phẩm cơ khí, thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.) | 2511 |
| 17 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. (Chi tiết: Thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.) | 2710 |
| 18 | Sản xuất thiết bị điện khác. | 2790 |
| 19 | Sửa chữa máy móc thiết bị. (Chi tiết: Sửa chữa thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.) | 3312 |
| 20 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Chi tiết: Sửa chữa các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép.) | 3311 |
| 21 | Khai thác và thu gom than cứng. | 0510 |
| 22 | Khai thác và thu gom than non. | 0520 |
| 23 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.<br>Chi tiết: - Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>(Trừ kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường).<br>- Bán buôn xỉ lò nhiệt điện, bán buôn phụ gia xi măng. | 4669 |
| 24 | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. (Chi tiết: Bồi dưỡng tay nghề cho công nhân nhà máy điện, bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho thi nâng bậc của công nhân nhà máy điện - không cấp chứng chỉ.) | 8560 |

| TT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 25 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.<br>(trừ hoạt động đấu giá). (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)). | 8299 |
| 26 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. (Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc và các sản phẩm liên quan). (Trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến.) | 4661 |
| 27 | Sản xuất điện. | 3511<br>(Chính) |
| 28 | Truyền tải và phân phối điện. (Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, khai thác vận hành các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và lưới điện, hệ thống cung cấp điện; mua, bán điện (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia.)<br>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước). | 3512 |
| 29 | Xây dựng công trình thủy. | 4291 |
| 30 | Xây dựng công trình khai khoáng. | 4292 |
| 31 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. | 4293 |
| 32 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. (Chi tiết: Xây dựng các công trình nhà máy điện, đường dây và trạm điện, công trình công nghiệp, thủy lợi, cảng biển, kết cấu hạ tầng.)<br>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước). | 4299 |
| 33 | Xây dựng nhà để ở. | 4101 |
| 34 | Xây dựng nhà không để ở. | 4102 |
| 35 | Xây dựng công trình đường sắt. | 4211 |
| 36 | Xây dựng công trình đường bộ. | 4212 |

**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty:**

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

# Chương IV
# VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

## Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần:

1. Vốn điều lệ:

a. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.827.674.750.000 đồng (Sáu nghìn tám trăm hai mươi bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành: 682.767.475 cổ phiếu (Sáu trăm tám mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi lăm cổ phiếu) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần..

b. Tổng công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ, trừ số cổ phần ưu đãi người lao động mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết với Tổng công ty. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

b) Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được ĐHĐCĐ thông qua.

d) Chào bán cổ phần:

- Chào bán cổ phần là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ; việc chào bán cổ phần được thực hiện theo một trong những hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật Doanh nghiệp gồm:

i) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;

ii) Chào bán cổ phần ra công chúng;

iii) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

- Việc chào bán cổ phần của Tổng công ty thực hiện theo các quy định tại Điều 123, 124, 125 của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT Tổng công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
- Tổng công ty thực hiện đăng ký điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ trong thời gian 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

đ. Bán cổ phần:

HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp được ĐHĐCĐ chấp thuận.

e) Mua lại cổ phần:

Theo quyết định của ĐHĐCĐ, Tổng công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được Tổng công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, 133 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Tổng công ty phải làm thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Tổng công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

Tổng công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

e1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;

e2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Mục e3 Khoản 2 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định hoặc Tổng công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

e3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tổng công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

(i) Quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Tổng công ty;

(ii) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

g) Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

h) Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

3. Cổ đông nhà nước được quyền chào bán tiếp số cổ phần của nhà nước tại Tổng công ty do không bán hết số lượng cổ phần theo Phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Do là Doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần, do đó Tổng công ty không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của cổ đông được nêu tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty.

5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ĐLTKV là **35%**.

**Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu:**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hỏng hoặc hủy hoại dưới hình thức khác, thì Tổng công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

**Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông:**

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Tổng công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tệp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Tổng công ty.

b) Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Họ, tên của cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

c) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc nơi hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông. Các cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Tổng công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4. Tổng công ty phải cập nhật kịp thời những thay đổi của cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong sổ đăng ký cổ đông.

**Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần:**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với cổ phần ưu đãi người lao động mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011, chỉ được chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp Tổng công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ Luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Tổng công ty số cổ phần này thì Tổng công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Tổng công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thi trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự ĐHĐCĐ diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích thì người quản lý tài sản hoặc người thừa kế theo di chúc/ theo pháp luật của người chết, người mất tích sẽ được Tổng công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền, được hưởng lợi hoặc thực hiện nghĩa vụ của người nắm giữ cổ phần đối với Tổng công ty, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần trở thành cổ đông của Tổng công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của Tổng công ty kể từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty.

9. Tổng công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần:**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Tổng công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## Chương V
## CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

**Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty:**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

2. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

3. BKS do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của BKS.

4. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

5. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty được quy định trong Quy chế Tổ chức và Hoạt động của các đơn vị đó do HĐQT Tổng công ty ban hành.

## Chương VI
## CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

**Điều 12. Quyền của cổ đông:**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, hình thức điện tử khác, hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty và pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật có liên quan khác;

d) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên, địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ;

g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí);

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp, Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của Pháp luật;

k) Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo Luật Doanh nghiệp.

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ;

e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là (ba) 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT, BKS được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

4. Quyền khác theo quy định của Pháp luật.

**Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông:**

1. Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Tuân thủ Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

6. Tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của Tổng công ty và của cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

9. Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

10. Hoàn thành nghĩa vụ khác theo các quy định pháp luật.

**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông:**

1. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của luật pháp và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp nhận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp ĐHĐCĐ Tổng công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham gia dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Tổng công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) quy định trong Điều lệ này;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của BKS;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập hoặc thành viên BKS còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Điểm c và d Khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 3, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm b, Khoản 4 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ:**

1. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên HĐQT, BKS;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, BKS;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua trong các trường hợp sau:

a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm q, Khoản 2, Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

**Điều 16. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ:**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể uỷ quyền cho một hoặc một số cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì uỷ quyền người khác dự họp ĐHĐCĐ. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Thành viên, cổ đông nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác.

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền, hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

**Điều 17. Thay đổi các quyền:**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ:**

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp ĐHĐCĐ, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị các tài liệu cho đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty;

d) Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Thành viên BKS;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Mẫu chỉ định người đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2, Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng Khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 của Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

7. HĐQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết từng vấn đề trong chương trình họp.

**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ:**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những người đại diện theo uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

**Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ:**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua:**

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;

b) Định hướng phát triển Tổng công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS;

đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị vốn góp, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

g) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty.

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty.

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, Khoản 5 và Khoản 7 Điều này) được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

7. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

8. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ:**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu, phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên Website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

**Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ:**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của các cổ đông, văn bản uỷ quyền tham dự, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và các tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ:**

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc

Tổng Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết hoặc một phần Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 21 Điều lệ này.

b) Trình tự, thủ tục và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## Chương VII
## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm chức danh HĐQT của công ty khác);

e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Tổng công ty;

f) Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);

g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

h) Các thông tin khác nếu có.

2. Giới thiệu, đề cử vào HĐQT:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định tại Điều lệ Tổng công ty, quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT:**

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm, HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá (năm) 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

4. Cơ cấu thành viên HĐQT:

a) Cơ cấu HĐQT của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành; phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập.

b) Cơ cấu HĐQT đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới tính.

5. Thành viên HĐQT không còn tư cách làm thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên HĐQT;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ;

f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa;

h) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;

j) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT:**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc về ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Tổng công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Tổng công ty hoặc chi nhánh của Tổng công ty thực hiện có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

k) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

l) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

m) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

n) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Tổng công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

o) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

p) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

s) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

t) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

u) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

v) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty (nếu có)

w) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của công ty; thành lập các công ty con của Tổng công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Tổng công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;

e) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

f) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Tổng công ty quy định tại điểm d, Điểm đ Khoản 2 Điều này tại những công ty khác;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Tổng công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Tổng công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

j) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Tổng công ty.

4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

6. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

7. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên HĐQT chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

**Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT:**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên; Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT (nếu có), hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

6. Thành viên HĐQT có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 29. Chủ tịch HĐQT:**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm chức Tổng giám đốc Tổng công ty.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

f) Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chủ trì dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Tổng công ty;

g) Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;

h) Quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, miễn nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

**Điều 30. Cuộc họp của HĐQT:**

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu

tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên HĐQT độc lập;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó quy định rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Thông báo và chương trình họp:

a) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b) Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và Thành viên BKS được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp đến các thành viên BKS, Tổng giám đốc, người phụ trách quản trị Tổng công ty, những cán bộ quản lý khác hoặc chuyên gia của một bên thứ ba tham dự cuộc họp HĐQT; những người được mời họp đó (nếu không phải là thành viên của HĐQT) thì có quyền dự các cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau:

a) Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

12. Biểu quyết:

a) Trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 12 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu (01) biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d, Khoản 12 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc công ty không phải là thành viên HĐQT có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thông qua nghị quyết, quyết định của cuộc họp HĐQT:

a) Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Công khai lợi ích:

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

15. Họp trực tuyến hoặc các hình thức khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

16. Biên bản cuộc họp HĐQT:

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, có các nội dung

chủ yếu theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

17. Những người được mời họp dự thính:

Người phụ trách quản trị (Thư ký) công ty, Giám đốc điều hành, các Thành viên BKS, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên HĐQT) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

**Điều 31. Các tiểu ban của HĐQT:**

1. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của từng thành viên tiểu ban, cụ thể HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập/ thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ các quy định của HĐQT. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

**Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty:**

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về Pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Tổng công ty; có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng;

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT, BKS về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty và/ hoặc theo quyết định của HĐQT;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

## Chương VIII
## TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

### Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý:

Tổng công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm theo quy chế quản lý của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

1. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán tài chính của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu

trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật Kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng giám đốc quyết định sau khi được HĐQT chấp thuận.

**Điều 34. Người điều hành Tổng công ty:**

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý Tổng công ty do HĐQT quy định. Cán bộ điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách của Tổng giám đốc sẽ do HĐQT quyết định.

4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương của Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác của Tổng công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.

**Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc:**

1. Bổ nhiệm:

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

4. Tiêu chuẩn:

a) Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật Doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

5. Quyền hạn và nhiệm vụ:

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty thuộc thẩm quyền hoặc các vấn đề không cần phải có sự thông qua, nghị quyết, quyết định của HĐQT; thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Điều lệ này;

c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

d) Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty; trình HĐQT thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc đơn vị trực thuộc, Trưởng phòng Tổng công ty và các chức danh khác theo quy chế quản lý cán bộ; đề nghị cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

e) Tham khảo ý kiến HĐQT để quyết định số lượng lao động của Tổng công ty; Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh quản lý, cán bộ, nhân viên trong Tổng công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

f) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

g) Đề nghị HĐQT quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; Đề nghị phê duyệt các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty; Đề xuất quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty để ĐHĐCĐ thông qua theo thẩm quyền;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

j) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của ĐHĐCĐ; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho BKS;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;

m) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT;

n) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty quy định tại Điều 13, Luật Doanh nghiệp.

6. Trong quan hệ với công ty con do Công ty mẹ nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối, Tổng giám đốc có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ do Người đại diện theo ủy quyền báo cáo HĐQT xem xét, thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyết định của HĐQT đối với Tổng công ty;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

7. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông:

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc:

HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc Tổng công ty mới thay thế. Tổng giám đốc Tổng công ty bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ gần nhất.

9. Từ nhiệm hoặc mất tư cách:

a) Khi muốn từ nhiệm, Tổng giám đốc phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

b) Tổng giám đốc mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 03 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

10. Uỷ quyền, uỷ nhiệm:

a) Tổng giám đốc phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc và có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho các Phó Tổng giám đốc thay mình giải quyết một số công việc của Tổng công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm đó;

b) Người được uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự uỷ quyền, uỷ nhiệm liên quan đến con dấu của Tổng công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

## Chương IX
## BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY

### Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên BKS (Thành viên BKS):

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên BKS được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên BKS. Thông tin kiên quan đến ứng viên BKS được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên BKS và các chức danh quản lý khác;

f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Thành viên BKS của Tổng công ty;

g) Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác nếu có.

2. Giới thiệu, đề cử vào BKS:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục và cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**Điều 37. Thành phần BKS:**

1. Số lượng thành viên BKS của Tổng công ty là 03 (ba) thành viên do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của BKS là năm (5) năm; Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên BKS bị pháp luật cấm là Thành viên BKS hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

b) Thành viên BKS đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Tổng công ty và được chấp thuận;

c) Thành viên BKS đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Thành viên BKS đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Thành viên BKS đó bị miễn nhiệm thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên BKS có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh, Thành viên BKS này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc thay thế thành viên BKS đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được BKS thay thế. Nhiệm kỳ của thành viên BKS mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của BKS. Trong trường hợp thành viên BKS mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của BKS cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên BKS thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.

6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát:**

1. Trưởng Ban Kiểm soát do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp BKS;

b) Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;

c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

**Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của BKS:**

1. Quyền và nghĩa vụ của BKS:

BKS có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng

công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình và các nhiệm vụ được giao;

c) Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;

e) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

f) Xây dựng quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;

g) Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc;

i) Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

j) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

k) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Tổng công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;

l) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;

m) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

n) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

o) BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

p) BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

q) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

r) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của ĐHĐCĐ;

s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Quyền được cung cấp thông tin của BKS:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

b) Thành viên của HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Thành viên BKS hoặc BKS.

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản, nghị quyết họp HĐQT, họp ĐHĐCĐ sẽ phải được cung cấp cho Thành viên BKS vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

d) Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành phải được gửi đến Thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

e) Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc;

f) Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Tổng công ty phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

3. Nghĩa vụ của thành viên BKS:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c của Khoản 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty;

e) Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 40. Cuộc họp của BKS:**

1. BKS phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham dự họp ít nhất từ hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

**Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS:**

1. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## Chương X
## BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

**Điều 42. Bầu HĐQT và BKS:**

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Tổng công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và BKS theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng của Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và BKS theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì ĐHĐCĐ quyết định có bầu tiếp hay không, nếu ĐHĐCĐ không quyết định được thì chủ tọa đại hội quyết định.

## Chương XI
## TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC

**Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành:**

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và

theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

**Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi:**

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Tổng công ty.

3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng và tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện giao dịch có liên quan.

6. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

7. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và Pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

8. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác, hoặc cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giao dịch trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích có liên quan;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua hoặc phê chuẩn.

**Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường:**

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## Chương XII
## QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH, QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CÔNG TY MẸ VỚI NHÓM CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON VÀ TẬP ĐOÀN

**Điều 46. Nguyên tắc tổ chức quản lý, điều hành của Công ty mẹ trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con:**

1. Quản lý điều hành nhóm Công ty mẹ - Công ty con thực hiện theo một hoặc một số phương thức sau đây:

a) Quản lý điều hành thông qua Công ty mẹ;

b) Quản lý, điều hành thông qua các hình thức đầu tư; liên kết; thỏa thuận; hợp tác sử dụng dịch vụ chung trong toàn nhóm Công ty mẹ - Công ty con; thực hiện các quy chế, tiêu chuẩn, định mức chung trong toàn nhóm Công ty mẹ - Công ty con không trái với quy định của pháp luật; sử dụng sản phẩm dịch vụ của nhau theo nguyên tắc thị trường;

c) Phương thức khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ của các doanh nghiệp đó.

2. Công ty mẹ thực hiện chức năng trực tiếp sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính vào Công ty con, Công ty liên kết hoặc chỉ thực hiện đầu tư tài chính vào Công ty con, Công ty liên kết.

3. Tổ chức quản lý, hoạt động điều hành của Công ty mẹ theo Điều lệ Công ty mẹ - Tổng công ty do ĐHĐCĐ thông qua.

**Điều 47. Quản lý điều hành nhóm Công ty mẹ - Công ty con thông qua Công ty mẹ:**

1. Công ty mẹ đại diện cho nhóm Công ty mẹ - Công ty con thực hiện các hoạt động chung của nhóm Công ty mẹ - Công ty con trong quan hệ với bên thứ ba ở trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác theo thỏa thuận với công ty con, công ty liên kết phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty mẹ sử dụng quyền, nghĩa vụ của cổ đông chi phối tại các Công ty con, hoặc thông qua thỏa thuận phối hợp với Công ty liên kết để phối hợp định hướng các hoạt động sau của nhóm Công ty mẹ - Công ty con:

a) Sử dụng bộ máy quản lý, điều hành tại Công ty mẹ; đề xuất giải pháp phối hợp, định hướng các hoạt động quy định tại Khoản 3 Điều này để trình HĐQT Tổng công ty thông qua; Thông qua người đại diện theo ủy quyền tại các công ty con, công ty liên kết thực hiện các nội dung phối hợp, định hướng theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Thông qua việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch, hợp đồng phối hợp kinh doanh cùng các công ty con, công ty liên kết để phối hợp, định hướng hoạt động của nhóm Công ty mẹ - công ty con;

c) Xây dựng các quy chế thống nhất trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con.

3. Nội dung phối hợp, định hướng của Công ty mẹ bao gồm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của nhóm Công ty mẹ - Công ty con; định hướng chiến lược kinh doanh của các công ty con theo chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của nhóm Công ty mẹ - Công ty con; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con;

b) Quản lý và định hướng người đại diện theo ủy quyền bảo đảm quyền chi phối của công ty mẹ tại các Công ty con, quyền của cổ đông góp vốn tại các Công ty liên kết;

c) Định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn, dài hạn của các công ty con;

d) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác hóa; tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, sử dụng thương hiệu, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của Công ty con theo chính sách chung của nhóm Công ty mẹ - Công ty con;

e) Xây dựng và thực hiện quy chế quản lý thương hiệu Công ty mẹ, định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của các công ty con, công ty liên kết;

f) Định hướng về tổ chức, cán bộ đối với các công ty con;

g) Định hướng nội dung Điều lệ, kiểm soát cơ cấu vốn điều lệ của công ty con;

h) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia quản lý, điều hành ở công ty con, công ty liên kết. Ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện theo ủy quyền; quy định những vấn đề phải được công ty mẹ thông qua trước khi người đại diện theo ủy quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại các công ty con, công ty liên kết;

i) Làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của công ty con, công ty liên kết để thực hiện đấu thầu theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quy định của Luật Đấu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các công ty con, công ty liên kết cùng thỏa thuận và thực hiện;

j) Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho công ty con, công ty liên kết;

k) Giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro các công ty con; hỗ trợ hoạt động tài chính theo quy định của pháp luật cho công ty con khi được doanh nghiệp đề nghị;

l) Phối hợp thực hiện công việc hành chính, giao dịch với các đối tác cho công ty con, khi được doanh nghiệp này đề nghị; thực hiện nhiệm vụ công ích và công việc do Nhà nước giao hoặc đặt hàng Tổng công ty;

m) Thiết lập, kết nối mạng lưới thông tin toàn bộ trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con;

n) Xây dựng báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và công ty con;

o) Tham vấn công ty con, công ty liên kết trong thực hiện các hoạt động chung;

p) Tổ chức việc thực hiện giám sát định hướng, điều hòa, phối hợp giữa các bộ phận trong công ty mẹ;

q) Các hoạt động khác phù hợp với đặc điểm của nhóm Công ty mẹ - Công ty con, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty mẹ và Điều lệ doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con.

**Điều 48. Quan hệ phối hợp chung trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con:**

Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết tham gia nhóm Công ty mẹ - Công ty con thực hiện quan hệ phối hợp chung theo các cách như sau:

1. Xây dựng quy chế hoạt động chung trên cơ sở thỏa thuận của Công ty mẹ và các doanh nghiệp tham gia nhóm Công ty mẹ - Công ty con.

2. Công ty mẹ căn cứ quyền hạn, trách nhiệm do pháp luật quy định làm đầu mối thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung phối hợp hoạt động chung dưới đây giữa các doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con:

a) Phối hợp trong công tác kế hoạch và điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh;

b) Định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con;

c) Tổ chức công tác tài chính, kế toán, thống kê;

d) Công tác quản lý vật tư, công tác tiêu thụ sản phẩm;

e) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản;

f) Công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

g) Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ, an toàn lao động và phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường;

h) Định hướng đặt tên các doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con; cho phép sử dụng thương hiệu của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện công tác hành chính, công tác đối ngoại của nhóm Công ty mẹ - Công ty con;

j) Quản lý công tác thi đua, khen thưởng, văn hóa, thể thao và các công tác xã hội;

k) Các nội dung khác theo thỏa thuận của các doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 49. Quan hệ giữa Công ty mẹ với các công ty con:**

1. Quan hệ giữa Công ty mẹ và Công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ:

a) Được giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng/giao dịch; cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của nhóm Công ty mẹ - Công ty con theo quy chế hoạt động chung và/hoặc theo thỏa thuận với các công ty con theo quy định của pháp luật;

b) Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung với Công ty mẹ; các cam kết hợp đồng/giao dịch với Công ty mẹ và doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp thuộc thẩm quyền của Công ty mẹ đối với doanh nghiệp; có trách nhiệm tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh với Công ty mẹ và các doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con.

2. Quan hệ giữa Công ty mẹ và Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối:

a) Công ty mẹ có các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh của Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó. HĐQT trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp đó;
- Đề cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp;
- Yêu cầu người đại diện theo ủy quyền báo cáo định kỳ, hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp;
- Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện theo ủy quyền xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại doanh nghiệp; báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty mẹ;
- Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của Công ty mẹ tại doanh nghiệp;
- Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào doanh nghiệp;
- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào doanh nghiệp.

b) Công ty con do Công ty mẹ giữ cổ phần, vốn góp chi phối có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định sau:

- Có quyền tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế, hợp đồng phối hợp kinh doanh với Công ty mẹ và các doanh nghiệp thuộc nhóm Công ty mẹ - Công ty con; được Công ty mẹ giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với Công ty mẹ; được Công ty mẹ cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của nhóm Công ty mẹ - Công ty con theo quy định của Điều lệ này, thỏa thuận với các doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con và quy định pháp luật có liên quan;
- Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của nhóm Công ty mẹ - Công ty con; các cam kết hợp đồng kinh tế với Công ty mẹ và doanh nghiệp trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của Công ty mẹ với tư cách thực hiện quyền chi phối đối với doanh nghiệp.

**Điều 50. Quan hệ giữa Công ty mẹ và công ty liên kết:**

1. Công ty mẹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ công ty liên kết và thỏa thuận liên kết.

2. Công ty mẹ quan hệ với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

**Điều 51. Quan hệ giữa Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc:**

Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự của Công ty mẹ theo quy định tại Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình HĐQT Tổng công ty phê duyệt. Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị phụ thuộc.

**Điều 52. Quan hệ của Công ty mẹ - Tổng công ty đối với TKV:**

1. Công ty mẹ - Tổng công ty là Công ty con của TKV có quyền tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng với TKV và các doanh nghiệp thành viên trong TKV; được TKV giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng/ giao dịch với TKV; được TKV cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của TKV theo thỏa thuận với TKV và các doanh nghiệp thành viên trong TKV và quy định pháp luật có liên quan.

2. Công ty mẹ - Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của TKV mà Công ty mẹ - Tổng công ty có tham gia; các hợp đồng/ giao dịch với TKV và doanh nghiệp thành viên trong TKV; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của TKV với tư cách là Công ty mẹ thực hiện quyền chi phối đối với Công ty mẹ - Tổng công ty theo quy định; Chấp hành các quy chế quản lý nội bộ của TKV.

3. TKV với tư cách là cổ đông góp vốn, thực hiện vai trò, chức năng nhiệm vụ, các quyền và trách nhiệm trong quản lý phần vốn của TKV tại Công ty mẹ - Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của TKV.

## CHƯƠNG XIII
## QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

**Điều 53. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ:**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT và BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

## Chương XIV
## NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY

### Điều 54. Người lao động, Công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội:

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Tổng công ty, các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.

4. Tổng công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Tổng công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

# Chương XV
# PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

**Điều 55. Phân phối lợi nhuận:**

1. Lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT.

**Điều 56. Cổ tức:**

1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Tổng công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định 01 (một) ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

## Chương XVI
## TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

**Điều 57. Tài khoản ngân hàng:**

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

**Điều 58. Năm tài chính:**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) của năm.

**Điều 59. Chế độ kế toán:**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam .

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật kế toán và pháp luật có liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## Chương XVII
## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

**Điều 60. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý:**

1. Tổng công ty phải lập và công bố bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 63. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (khi Tổng công ty niêm yết) và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ, Tổng công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Tổng công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý theo các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

**Điều 61. Báo cáo thường niên:**

Tổng công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

**Điều 62. Công khai thông tin:**

Tổng công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

## Chương XVIII
## KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

**Điều 63. Kiểm toán:**

1. ĐHĐCĐ thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Tổng Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ theo sự chấp thuận của HĐQT và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## Chương XIX
## DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

**Điều 64. Dấu của Tổng công ty:**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

3. HĐQT, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Chương XX
## GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

**Điều 65. Giải thể Tổng công ty:**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Tòa án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Giải thể theo quyết định của ĐHĐCĐ;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Tổng công ty do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

**Điều 66. Thanh lý:**

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, HĐQT phải thành lập Ban Thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Trong đó, hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);

e) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a) đến e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## Chương XXI
## GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

**Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ:**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với Tổng công ty; hoặc

b) Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## Chương XXII
## BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

**Điều 68. Điều lệ Tổng công ty:**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

**Điều 69. Hiệu lực thi hành:**

1. Bản Điều lệ này gồm XXII chương và 69 điều, được ĐHĐCĐ Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và tiếp tục được Hội đồng quản trị Tổng công ty nhất trí sửa đổi vào ngày 30/12/2021, ngày 24/5/2024, ngày 26/12/2024 và ngày …./…../….. theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Điều lệ được lập thành 20 (hai mươi) bản và phải được lưu trữ tại trụ sở chính Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị./.

Họ tên, chữ ký của các thành viên HĐQT:

| Họ và tên | Chức vụ | Chữ ký |
|---|---|---|
| Phạm Tuấn Ngọc | Chủ tịch HĐQT | |
| Nghiêm Xuân Chiến | Thành viên HĐQT | |
| Bùi Minh Tân | Thành viên HĐQT | |
| Nguyễn Đức Mạnh | Thành viên HĐQT | |
| Nguyễn Đức Thảo | Thành viên HĐQT | |

**Phụ lục**

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

I. **CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:**

1. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV;
2. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV;
4. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV;
5. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;
6. Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;
7. Ban quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.
8. Công ty Than - Điện Nông Sơn - TKV.

II. **CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT DO TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV NẮM GIỮ DƯỚI 50% VỐN ĐIỀU LỆ:**

1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;
2. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;
3. Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1.

**BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV-CTCP**

*Kèm theo Tờ trình số /TTr-ĐLTKV ngày /10/2026*

| STT | Điều lệ ĐLTKV (26/12/2024) | Đề xuất sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| 1 | **PHẦN MỞ ĐẦU**<br>...<br>**3.** Điều lệ này được ... 13/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 24/4/2024.<br>… | **PHẦN MỞ ĐẦU**<br>…<br>**3.** Điều lệ này được ….. 13/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 24/4/2024. **(iv) sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 19/NQ-ĐHĐCĐ-2026 ngày 23/11/2026.**<br>… | Cập nhật thông tin căn cứ pháp lý lần sửa đổi Điều lệ này. |
| 2 | **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời gian hoạt động của Tổng công ty:**<br>6. Trụ sở Tổng công ty<br>- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. | **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời gian hoạt động của Tổng công ty:**<br>6. Trụ sở Tổng công ty<br>- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. | Sửa đổi địa danh địa chỉ theo địa danh hành chính mới; |
| 3 | Họ tên, chữ ký của các thành viên HĐQT:<br>- Ngô Thế Phiệt - Chủ tịch HĐQT<br>- Ngô Trí Thịnh - Thành viên HĐQT<br>- Bùi Minh Tân - Thành viên HĐQT<br>- Nguyễn Trung Thực - Thành viên HĐQT<br>- Nguyễn Đức Thảo -Thành viên HĐQT | Họ tên, chữ ký của các thành viên HĐQT:<br>- Phạm Tuấn Ngọc -Chủ tịch HĐQT<br>- Nghiêm Xuân Chiến- Thành viên HĐQT<br>- Bùi Minh Tân- Thành viên HĐQT<br>- Nguyễn Đức Mạnh -Thành viên HĐQT<br>- Nguyễn Đức Thảo-Thành viên HĐQT | |
| 4 | Phụ lục<br>DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP<br>I. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:<br>1. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV;<br>2. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;<br>3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV;<br>4. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV;<br>5. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;<br>6. Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;<br>7. Ban quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.<br>II. CÁC CÔNG TY CON CỔ PHẦN DO TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ HOẶC NẮM QUYỀN CHI PHỐI:<br>1. Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV. | Phụ lục<br>DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP<br>I. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:<br>1. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV;<br>2. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;<br>3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV;<br>4. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV;<br>5. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;<br>6. Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;<br>7. Ban quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.<br>8. Công ty Than - Điện Nông Sơn - TKV. | Sáp nhập V.NSCP vào DTK và thành lập chi nhánh trực thuộc DTK |

| STT | Điều lệ ĐLTKV (26/12/2024) | Đề xuất sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| 5 | **Điều 69. Hiệu lực thi hành:**<br>1.Bản Điều lệ này gồm XXII chương và 69 điều, được ĐHĐCĐ Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và tiếp tục được Hội đồng quản trị Tổng công ty nhất trí sửa đổi vào ngày 30/12/2021, ngày 24/5/2024 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. | **Điều 69. Hiệu lực thi hành:**<br>1.Bản Điều lệ này gồm XXII chương và 69 điều, được ĐHĐCĐ Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và tiếp tục được Hội đồng quản trị Tổng công ty nhất trí sửa đổi vào ngày 30/12/2021, ngày 24/5/2024, ngày 26/12/2024 ***và ngày …../…../…..*** theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. | Cập nhật lại theo ngày phát hành thực tế. |

**DỰ THẢO**

# HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

**Số: .....**

**giữa**

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP (HNX: DTK)**

**(Công ty nhận sáp nhập)**

**Và**

**CÔNG TY TNHH MTV THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV**

**(Công ty bị sáp nhập)**

Hà Nội, tháng ... năm 2026

# MỤC LỤC

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH 3
ĐIỀU 2. SÁP NHẬP CÔNG TY 4
ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP 5
ĐIỀU 4. THỦ TỤC SÁP NHẬP VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN SÁP NHẬP 5
ĐIỀU 5. CHUYỂN GIAO TÀI SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 8
ĐIỀU 6. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG 8
ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A 9
ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B 9
ĐIỀU 9. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN 10
ĐIỀU 10. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN 11
ĐIỀU 11. XỬ LÝ VI PHẠM 13
ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG 13
ĐIỀU 13. BẢO MẬT 14
ĐIỀU 14. THÔNG BÁO 14
ĐIỀU 15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP 15
ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN CHUNG 15

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP ("Hợp đồng" hoặc "Hợp đồng sáp nhập") này được lập vào ngày ... tháng ... năm 2026, giữa các bên gồm:

**(A) CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16 tòa nhà Vinacomin, Số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3516 1605 Fax: 024 35161610

Mã số doanh nghiệp: 0104297034

Người đại diện: Ông **Bùi Minh Tân** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

*(Sau đây được gọi tắt là "Bên A")*

và

**(B) CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP: CÔNG TY TNHH MTV THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Trung Thượng, xã Nông Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 02353656900 Fax: 02353656901

Mã số doanh nghiệp: 4000463735

Người đại diện: Ông **Trần Hữu Thắng** - Chức vụ: Giám đốc

*(Sau đây được gọi tắt là "Bên B")*

*(Bên A và Bên B được gọi riêng là "Bên", và gọi chung là "Các Bên")*

**XÉT RẰNG:**

(1) Công ty nhận sáp nhập là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đồng thời là chủ sở hữu duy nhất, sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty bị sáp nhập – một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

(2) Các Bên cùng mong muốn tiến hành tái cấu trúc doanh nghiệp thông qua việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Than Điện Nông Sơn - TKV vào Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP nhằm phát huy và tập trung nguồn lực của Các Bên, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vì lợi ích của các cổ đông của Các Bên;

(3) Đại hội đồng cổ đông của Bên A đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... vào ngày .../.../... theo đó đã thông qua (i) phương án sáp nhập Bên B vào Bên A ; (ii) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (iii) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (iv) phương án hoạt động kinh doanh sau khi nhận sáp nhập;

(4) Chủ sở hữu của Bên B đã ban hành Quyết định của Chủ sở hữu số ... vào ngày .../.../..., theo đó đã thông qua (i) phương án sáp nhập Bên B vào Bên A; (ii) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (iii) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (iv) phương án hoạt động kinh doanh của Bên A sau khi nhận sáp nhập.

Trên cơ sở kết quả thương lượng và đàm phán, Các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng sáp nhập này với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

## ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

### 1.1. Định nghĩa

Khi được sử dụng trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- "Hợp đồng" hoặc "Hợp đồng sáp nhập" có nghĩa là Hợp đồng sáp nhập này và toàn bộ các phụ lục, thỏa thuận được ký kết bổ sung cho Hợp đồng sáp nhập này (nếu có).
- "Phương án sáp nhập" có nghĩa là phương án sáp nhập Bên B vào Bên A được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày .../.../... của Bên A và Quyết định của Chủ sở hữu số ... ngày .../.../... của Bên B.
- "Giao dịch sáp nhập" có nghĩa như được quy định tại Điều 2.1 của Hợp đồng này
- "Ngày sáp nhập" có nghĩa như được quy định tại Điều 2.2 của Hợp đồng này.

- "Ngày ký kết" có nghĩa là ngày ký kết Hợp đồng này.
- "Ngày làm việc" có nghĩa là bất kỳ ngày nào trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước.
- "ĐHĐCĐ" có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông.
- "HĐQT" có nghĩa là Hội đồng quản trị.
- "HĐTV" có nghĩa là Hội đồng thành viên.
- "BKS" có nghĩa là Ban kiểm soát.
- "GCNĐKDN" có nghĩa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- "Luật Cạnh tranh" có nghĩa là Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018.
- "Thay đổi bất lợi đáng kể" có nghĩa là việc xảy ra bất kỳ sự kiện, sự việc, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nào theo quyết định của Các Bên, có thể ảnh hưởng bất lợi và đáng kể tới:
  + việc kinh doanh, tình hình (về tài chính hoặc về các vấn đề khác), hoạt động, khả năng thực hiện hợp đồng, tài sản hoặc triển vọng kinh doanh của mỗi Bên tham gia Hợp đồng này hoặc của bất kỳ công ty con hoặc công ty liên kết nào của bên đó;
  + việc thực hiện Giao dịch sáp nhập;
  + khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp đồng này;
  + hiệu lực và khả năng thi hành của Hợp đồng này.
- "Cơ quan nhà nước có thẩm quyền" nghĩa là bất kỳ cơ quan nhà nước ở địa phương hay trung ương nào của Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân, các phòng ban chuyên môn, các Ủy ban chuyên trách, các Cơ quan hành chính và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền đối với các vấn đề quy định tại Hợp đồng này.

**1.2. Nguyên tắc giải thích**

a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Khoản 1.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại. Thời gian được đề cập trong Hợp đồng này sẽ được tính theo năm dương lịch.
b) Các từ "của Hợp đồng này", "trong Hợp đồng này", và "theo Hợp đồng này" và các từ tương tự khác khi được sử dụng trong Hợp đồng này sẽ đề cập tới toàn bộ Hợp đồng này chứ không phải chỉ đề cập tới bất kỳ một điều khoản cụ thể riêng rẽ nào của Hợp đồng này.
c) Các tiêu đề của điều, khoản trong Hợp đồng này chỉ được sử dụng để thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng đến nội dung cũng như việc giải thích các điều, khoản của Hợp đồng này.
d) Việc dẫn chiếu đến văn bản của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến các văn bản đó và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của các văn bản đó.

## ĐIỀU 2. SÁP NHẬP CÔNG TY

2.1. Giao dịch sáp nhập

Giao dịch sáp nhập là việc Các Bên thống nhất Bên B sẽ chuyển giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ, lao động và lợi ích hợp pháp của mình sang Bên A, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của Bên B kể từ ngày sáp nhập. Bên A sẽ kế thừa toàn bộ các quyền, lợi ích hợp pháp, đồng thời chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ tài sản, công nợ, lao động và các nghĩa vụ khác của Bên B kể từ ngày sáp nhập. Bên B là công ty con do Bên A sở hữu 100% vốn điều lệ, vì vậy việc sáp nhập theo Hợp đồng này không làm tăng Vốn điều lệ của Bên A và không làm ảnh hưởng đến các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác của Bên A.

2.2. Ngày sáp nhập

Ngày sáp nhập được hiểu là ngày Bên A được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNĐKDN do nhận sáp nhập.

Tại ngày sáp nhập, toàn bộ công nợ của Bên A với Bên B sẽ được xóa bỏ và ngược lại.

**ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP**

3.1. Giao dịch sáp nhập chỉ được thực hiện khi các điều kiện dưới đây được đáp ứng:

a) Hợp đồng này đã được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của bên A, Chủ sở hữu của Bên B và được đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký kết.
b) Điều lệ của Bên A sau khi nhận sáp nhập, Phương án sáp nhập, Phương án hoạt động kinh doanh của Bên A sau khi nhận sáp nhập đã được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của cả Bên A và Chủ sở hữu của Bên B.
c) Bên B đã gửi Hợp đồng sáp nhập này cho các chủ nợ của Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho Bên B, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm của Bên B hay bảo lãnh cho Bên B và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên B tham gia).
d) Bên A đã gửi Hợp đồng sáp nhập này cho các chủ nợ của Bên A (bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho Bên A, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm của Bên A hay bảo lãnh cho Bên A và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên A tham gia).
e) Bên A đã thông báo về Hợp đồng sáp nhập này cho tất cả người lao động của Bên A.
f) Bên B đã thông báo về Hợp đồng sáp nhập này cho tất cả người lao động của Bên B.
g) Nhận được Thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc Quyết định về việc tập trung kinh tế do Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia cấp có nội dung Giao dịch sáp nhập được thực hiện không kèm theo điều kiện hoặc được thực hiện có kèm theo điều kiện;
h) Các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ công bố thông tin cần thiết liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3.2. Các Bên công nhận và đồng ý rằng bất kỳ điều kiện nào quy định tại Khoản 3.1 Điều này sẽ chỉ có thể được miễn trừ bằng văn bản do Các Bên ký hợp lệ.

3.3. Mỗi Bên sẽ nỗ lực hợp lý để đảm bảo rằng các điều kiện quy định tại Khoản 3.1 Điều này sẽ được hoàn tất và sẽ thông báo kịp thời cho Bên còn lại về tình hình thực hiện các điều kiện đó.

**ĐIỀU 4. THỦ TỤC SÁP NHẬP VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN SÁP NHẬP**

**4.1. Các thủ tục chính**

Các thủ tục chính để thực hiện Giao dịch sáp nhập như sau:

a) Thủ tục thông báo tập trung kinh tế;
b) Thủ tục chấp thuận nội bộ của Các Bên để ký kết Hợp đồng sáp nhập;
c) Thủ tục ký kết Hợp đồng sáp nhập;
d) Thủ tục điều chỉnh GCNĐKDN của Bên A;
e) Các thủ tục khác liên quan đến chuyển giao lao động, tài sản, đăng ký doanh nghiệp, thuế và công ty đại chúng của Các Bên.

**4.2.** Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc bất kỳ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào có yêu cầu khác, Giao dịch sáp nhập sẽ được thực hiện theo thủ tục sáp nhập ("Thủ tục sáp nhập") như sau:

***4.2.1. Thủ tục thông báo tập trung kinh tế:***

a) Các Bên đã nộp Hồ sơ thông báo tập trung kinh tế cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

b) Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã ban hành Thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc Quyết định về việc tập trung kinh tế có nội dung Giao dịch sáp nhập được thực hiện không kèm theo điều kiện hoặc được thực hiện có kèm theo điều kiện.

***4.2.2. Thủ tục chấp thuận nội bộ của Các Bên để ký kết Hợp đồng sáp nhập:***

a) ĐHĐCĐ của Bên A đã thông qua Nghị quyết số ... ngày .../.../... về việc phê duyệt (i) Phương án sáp nhập Bên B vào Bên A; (ii) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (iii) dự thảo

Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (iv) phương án hoạt động kinh doanh của Bên A sau khi nhận sáp nhập

b) Chủ sở hữu của Bên B đã ban hành Quyết định số ... ngày .../.../... về việc phê duyệt (i) Phương án sáp nhập Bên B vào Bên A; (ii) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (iii) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (iv) phương án hoạt động kinh doanh của Bên A sau khi nhận sáp nhập.

***4.2.3. Thủ tục ký kết Hợp đồng sáp nhập:***

a) Sau khi hoàn thành các thủ tục chấp thuận nội bộ và thông báo tập trung kinh tế nêu trên, Các Bên thực hiện ký kết Hợp đồng sáp nhập này;
b) Trong thời gian sớm nhất có thể sau Ngày ký kết, Các Bên sẽ tổ chức Đại hội người lao động để thông báo về Phương án sáp nhập;
c) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ của bên A và Chủ sở hữu của Bên B thông qua Hợp đồng sáp nhập, Các Bên phải gửi Hợp đồng này cho các chủ nợ của mình và thông báo về Hợp đồng này cho người lao động của mình;
d) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng này, Bên B gửi cho Bên A các thông tin, tài liệu của Bên B sau đây:
   - Danh mục các quy định, quy chế nội bộ của Bên B bao gồm nhưng không giới hạn ở Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty;
   - Danh sách các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Bên B (nếu có);
   - Danh mục tài sản của Bên B và hiện trạng của các tài sản đó, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ;
   - Danh mục các hợp đồng, thỏa thuận đang có hiệu lực của Bên B;
   - Danh mục các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép và giấy chứng nhận khác của Bên B, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Bên B (nếu có);
   - Danh sách người lao động của Bên B: thông tin về toàn bộ người lao động, hợp đồng lao động và chương trình kế hoạch về tiền lương, thù lao và lợi ích cho người lao động của Bên B;
   - Danh sách các khoản nợ phải trả và phương án giải quyết đối với các khoản nợ, các giao dịch và nghĩa vụ tài sản kèm theo;
   - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Bên B cho ba năm tài chính gần nhất và Báo cáo tài chính của Bên B cho các quý trong năm 2026 tính đến thời điểm phải cung cấp tài liệu quy định tại điểm này;
   - Danh mục các vụ việc và tài liệu liên quan tới các vụ kiện, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử phạt hành chính có liên quan đến Bên B và các công ty con của Bên B (nếu có); và
   - Các thông tin, tài liệu khác cần thiết để thực hiện Giao dịch sáp nhập và Hợp đồng sáp nhập này theo yêu cầu của Bên A.
e) Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi Bên A nhận được đầy đủ tài liệu nêu trên của Bên B, Các Bên sẽ phối hợp để lập kế hoạch sáp nhập chi tiết theo các biểu mẫu được Các Bên thống nhất, bao gồm các tài liệu sau đây:
   - Dự thảo Biên bản bàn giao để thực hiện sáp nhập;
   - Kế hoạch chuyển giao chi tiết để thực hiện sáp nhập;
   - Danh sách, bảng kê chuyển giao liên quan đến nhân sự, tài sản, công nợ, hợp đồng kinh tế, hồ sơ pháp lý, hệ thống kế toán, đất đai;
   - Kế hoạch bố trí lại nhân sự;
   - Các tài liệu cần thiết khác theo yêu cầu của Bên A.
f) Kế hoạch sáp nhập chi tiết sau khi được đại diện của Các Bên ký kết hợp lệ sẽ trở thành một phần không tách rời của Hợp đồng này. Các Bên có trách nhiệm tuân thủ Kế hoạch sáp nhập chi tiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng và Giao dịch sáp nhập.

***4.2.4. Thủ tục điều chỉnh GCNĐKDN của Bên A:***

Sau khi ký kết Hợp đồng sáp nhập, Bên A tiến hành thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp để đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp sau khi sáp nhập mà nội dung đăng ký doanh nghiệp của Bên A không thay đổi, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập doanh nghiệp, Bên A gửi thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi Bên A đặt trụ sở chính để thực hiện chấm dứt tồn tại của Bên B.

***4.2.5. Các thủ tục khác liên quan đến chuyển giao tài sản, lao động, đăng ký doanh nghiệp, thuế và công ty đại chúng của Các Bên:***

a) Các Bên sẽ ký Biên bản bàn giao để thực hiện sáp nhập theo mẫu dự thảo trong Kế hoạch sáp nhập chi tiết vào ngày Bên A được cấp GCNĐKDN sửa đổi;
b) Trong thời gian sớm nhất có thể sau ngày sáp nhập, Bên A và Bên B sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để:
   - chuyển việc ký kết các hợp đồng lao động của Bên B sang Bên A;
   - thay đổi tên chủ sở hữu thành Bên A đối với các tài sản của Bên B, bao gồm cả quyền sử dụng đất và các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu cần thiết);
   - thay đổi tên Bên B tại các giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận và giấy phép khác (nếu cần thiết) thành tên Bên A;
   - đăng ký thành lập chi nhánh của Bên A và cập nhật các giấy phép, giấy chứng nhận để nhận chuyển giao các hoạt động kinh doanh của Bên B;
   - ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế/chuyển giao các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên B đã ký với bên thứ ba (nếu cần thiết);
   - nhận chuyển giao hoạt động kinh doanh của Bên B theo phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập đã được phê duyệt; và
   - tất cả các công việc cần thiết khác để Bên A kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này;
c) Sau khi Bên A được cấp GCNĐKDN sửa đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của Bên B sang tình trạng "Đang bị sáp nhập" và chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện của Bên B sang tình trạng "Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động";
d) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A được cấp GCNĐKDN sửa đổi, Bên B phải nộp Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Bên B, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Bên B (nếu có) cho cơ quan thuế. Sau đó, cơ quan thuế sẽ ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế; cập nhật thông tin Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ thuế vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và ban hành Thông báo về việc Bên B hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh;
e) Bên B có trách nhiệm hoàn thành việc quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế do thực hiện Giao dịch sáp nhập theo quy định của pháp luật về thuế;
f) Sau khi nhận được thông tin của cơ quan thuế về việc Bên B đã hoàn thành việc quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận việc chấm dứt tồn tại của Bên B và chấm dứt hoạt động chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện của Bên B trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**4.3.** Thời hạn thực hiện sáp nhập là 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày ký kết và có thể được gia hạn theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.

**4.4.** Các Bên có thể thỏa thuận về việc thay đổi Thủ tục sáp nhập và thời hạn thực hiện sáp nhập nếu bắt buộc để phù hợp với tình hình thực tế, quy định pháp luật và bảo đảm việc hoàn tất Giao dịch sáp nhập sẽ diễn ra vào thời điểm sớm nhất có thể.

**4.5.** Mỗi Bên sẽ thực hiện tất cả các công việc mà Bên đó phải thực hiện theo Thủ tục sáp nhập, các quy định khác của Hợp đồng này và bất kỳ hành động và thủ tục có liên quan nào khác cần thiết hoặc bắt buộc theo quy định của pháp luật nhằm hoàn tất Giao dịch sáp nhập trong thời gian sớm nhất có thể.

**4.6.** Các Bên không được thực hiện bất kỳ hành động nào có thể gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể hoặc dẫn đến việc gây ảnh hưởng bất lợi hoặc làm chậm trễ đáng kể khả năng hoàn thành Giao dịch sáp nhập hoặc thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và thỏa thuận của mình theo Hợp đồng này.

**4.7.** Các Bên chịu trách nhiệm hoàn thiện các tài liệu và hồ sơ cần thiết để thực hiện Thủ tục sáp nhập theo quy định của pháp luật.

## ĐIỀU 5. CHUYỂN GIAO TÀI SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Sau ngày sáp nhập, Bên A và Bên B sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để (i) thay đổi tên chủ sở hữu thành Bên A đối với các tài sản của Bên B, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu cần thiết); (ii) thay đổi tên Bên B tại các giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy phép, giấy chứng nhận khác (nếu cần thiết) thành tên Bên A; (iii) ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế/chuyển giao các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên B đã ký với bên thứ ba (nếu cần thiết); (iv) chuyển giao hoạt động sản xuất kinh doanh và (v) tất cả các công việc cần thiết khác để Bên A kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này cũng như kế hoạch sáp nhập chi tiết.

5.2. Bên A sẽ kế thừa từ Bên B toàn bộ tài sản, công nợ, quyền và nghĩa vụ theo giá trị sổ sách của Bên B kể từ ngày sáp nhập theo quy định pháp luật, cụ thể:

a) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất của Bên B sẽ được chuyển giao cho Bên A;
b) Bên A sẽ kế thừa tất cả quyền và nghĩa vụ của Bên B theo các hợp đồng hợp pháp còn hiệu lực được ký giữa Bên B và bên thứ ba trước ngày sáp nhập, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó;
c) Tất cả các khoản nợ, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B có hiệu lực ngay trước ngày sáp nhập sẽ trở thành các khoản nợ, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A;
d) Bên A sẽ kế thừa các quyền và nghĩa vụ về thuế và các quyền và nghĩa vụ về tài chính khác đối với Nhà nước của Bên B theo quy định pháp luật;
e) Bên A sẽ kế thừa quyền sở hữu trí tuệ đối với tên thương mại, nhãn hiệu, hình ảnh và các quyền sở hữu trí tuệ khác của Bên B từ ngày sáp nhập;
f) Bên A sẽ tiếp tục tham gia các các thủ tục tố tụng và vụ kiện mà Bên B đã tham gia trước ngày sáp nhập;
g) Bên A sẽ nhận chuyển giao và kế thừa nguyên trạng tất cả tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý khác của Bên B.

5.3. Bên A sẽ tiếp nhận toàn bộ con dấu, hồ sơ, sổ sách, chứng từ và các tài liệu khác của Bên B để tiêu hủy hoặc sử dụng theo quyết định của Bên A sau ngày sáp nhập.

5.4. Bên A sẽ tiếp nhận hoạt động kinh doanh của Bên B kể từ ngày sáp nhập theo phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập đã được ĐHĐCĐ của Bên A và Chủ sở hữu của Bên B phê duyệt, theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

5.5. Bên A sẽ thực hiện hợp nhất số liệu tài chính theo giá trị sổ sách của Bên B vào báo cáo tài chính của Bên A phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Bên A.

## ĐIỀU 6. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

6.1. Bên A sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Bên B với các người lao động của Bên B ("Người lao động"). Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của Người lao động vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Bên A hoặc được thực hiện theo phương án sử dụng lao động thuộc Phương án sáp nhập và Kế hoạch sáp nhập chi tiết. Bên A và Người lao động sẽ hoàn tất các thủ tục để ghi nhận các thông tin về người sử dụng lao động theo đúng quy định pháp luật trong hợp đồng lao động và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có). Bên A có quyền sắp xếp lại lao động (nếu cần) và thực hiện mọi công việc liên quan đến Người lao động theo quy định của Pháp luật.

6.2. Bên A sẽ thực hiện các thủ tục để chấm dứt hợp đồng lao động với những Người lao động không muốn tiếp tục làm việc tại Bên A theo quy định của pháp luật.

6.3. Các cá nhân là Chủ tịch Công ty/ thành viên của HĐTV, BKS và Ban Giám đốc của Bên B tiếp tục thực hiện công việc quản lý, điều hành hoạt động của Bên B theo đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và của Bên B cho đến ngày sáp nhập. Sau ngày sáp nhập, Bên A có thể quyết định miễn nhiệm hoặc tái bổ nhiệm các cá nhân nêu trên vào HĐQT, BKS hoặc Ban Giám đốc của Bên A phù hợp với Phương án sáp nhập, Kế hoạch sáp nhập chi tiết và tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ của Bên A sau khi nhận sáp nhập.

**ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

7.1. Được kế thừa toàn bộ toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Bên B.

7.2. Bảo đảm rằng Bên A sẽ chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này và Phương án sáp nhập kể từ ngày sáp nhập.

7.3. Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

7.4. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hợp đồng, việc triển khai các dự án cũng như các hoạt động khác của Bên B. Việc kiểm tra theo điều này không được gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng.

7.5. Tiếp cận và sao chụp tất cả các nghị quyết, quyết định, tờ trình, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận và bất kỳ thư từ giao dịch, tài liệu nào của Bên B mà Bên A cho là cần thiết và liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.

7.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

8.1. Trong khoảng thời gian từ ngày ký kết Hợp đồng này đến ngày sáp nhập, trừ trường hợp có sự chấp thuận của Bên A, Bên B cam kết mọi hoạt động kinh doanh của mình phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Sử dụng mọi biện pháp hợp lý và cần thiết để duy trì và tiếp tục hoạt động kinh doanh và các cơ hội trong kinh doanh như trước khi ký kết Hợp đồng;
b) Không được gia tăng các khoản chi trả cho người lao động, nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ cũng như các chức danh quản lý của mình, không tiến hành việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, chủ sở hữu không được rút lợi nhuận, trừ trường hợp do pháp luật quy định hoặc chính sách của Các Bên đã có từ trước khi ký kết Hợp đồng và đã tiến hành thông báo trước cho Bên A;
c) Không được phép nhận nợ, bảo lãnh hay nhận bất kỳ nghĩa vụ nào từ bất kỳ bên thứ ba nào mà việc đó dẫn đến hậu quả là Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm trước bên thứ ba sau khi sáp nhập xong, trừ khi việc nhận nợ, bảo lãnh hoặc nhận nghĩa vụ đó là nguyên tắc hoạt động bình thường của Các Bên đã có từ trước khi ký kết Hợp đồng;
d) Không được thay đổi, bổ sung các chính sách, trình tự, thủ tục quản lý, điều hành và các quy tắc về thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán đang được áp dụng tại Bên B;
e) Không được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, hủy bỏ hoặc cố ý vi phạm các điều khoản của các hợp đồng, thỏa thuận đang thực hiện ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường phù hợp với thông lệ đang áp dụng;
f) Không được tiếp nhận các nghĩa vụ từ bên thứ ba hoặc hạn chế khả năng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường phù hợp với thông lệ đang áp dụng;
g) Sử dụng các nỗ lực hợp lý của mình để (i) giữ cho việc tổ chức kinh doanh hiện tại không bị ảnh hưởng; (ii) duy trì công việc của những người lao động hiện tại; và (iii) giữ vững mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối, nhà tư vấn, bên cấp li-xăng, bên nhận li-xăng và các cá nhân, tổ chức khác mà Bên B có quan hệ kinh doanh.

8.2. Bên B có nghĩa vụ kê khai và cung cấp cho Bên A đầy đủ, trung thực và chính xác toàn bộ thông tin về tài sản, người lao động, khách hàng, đối tác, chủ nợ, các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình tính đến thời điểm chuyển giao tài sản.

8.3. Bên B có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.

8.4. Bên B có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động của Bên B sau ngày sáp nhập theo quy định pháp luật.

8.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 9. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN**

9.1. Cam đoan và bảo đảm của Các Bên:

a) Mỗi Bên là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; đồng thời tất cả các phê chuẩn, chấp thuận và bất kỳ sự cho phép cần thiết nào để mỗi Bên thực hiện hoạt động kinh doanh như đang thực hiện đều đã đạt được;
b) Mỗi Bên có đầy đủ thẩm quyền để ký kết Hợp đồng này và thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng này. Việc ký kết Hợp đồng này và thực hiện các các quyền, nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng này đã được thông qua hợp lệ bởi cấp có thẩm quyền của Mỗi Bên theo quy định của pháp luật;
c) Tất cả các giấy phép cần thiết cho phép mỗi Bên sở hữu các tài sản quan trọng và tiến hành các hoạt động kinh doanh chính của mình đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và vẫn còn hiệu lực;
d) Theo hiểu biết của mỗi Bên, không có bất kỳ giấy phép nào của mỗi Bên có thể bị đình chỉ, bị hủy bỏ, bị từ chối, bị thay đổi hoặc bị thu hồi, trừ việc bị đình chỉ, bị hủy bỏ, bị từ chối, bị thay đổi hoặc bị thu hồi vì Giao dịch sáp nhập;
e) Việc mỗi Bên ký kết, thực hiện Hợp đồng này không vi phạm hoặc có khả năng dẫn đến vi phạm bất kỳ quy định, quy chế nội bộ nào của Bên đó; bất kỳ thỏa thuận nào có hiệu lực ràng buộc đối với Bên đó hoặc tài sản của Bên đó; bất kỳ bản án, quyết định nào của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực ràng buộc đối với Bên đó và bất kỳ quy định nào của pháp luật có liên quan;
f) Mỗi Bên đã và đang tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật và các văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực ràng buộc đối với Bên đó.

9.2. Cam đoan và bảo đảm của Bên A:

a) Theo hiểu biết của Bên A, chưa có bất kỳ thủ tục hoặc hành động nào được Bên A và các công ty con của Bên A (nếu có) thực hiện có thể dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán, tình trạng bị kiểm soát đặc biệt, việc chấm dứt hoạt động, giải thể, hoặc tổ chức lại đối với Bên A (ngoại trừ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này) và các công ty con của Bên A;
b) Các quy định tại Hợp đồng này không bị vô hiệu hoặc mất khả năng thi hành do ảnh hưởng của bất kỳ vụ kiện, thủ tục tố tụng hoặc thủ tục điều tra nào đối với Bên A và các công ty con của Bên A (nếu có).

9.3. Cam đoan và bảo đảm của Bên B:

a) Bên B cam đoan, bảo đảm rằng thông tin trong các tài liệu Bên B cung cấp và mọi thông tin khác được gửi bởi hoặc nhân danh Bên B cho Bên A liên quan đến Giao dịch sáp nhập hoặc Hợp đồng này là trung thực, chính xác, đầy đủ và không gây nhầm lẫn cho tới ngày đưa ra thông tin đó và vẫn luôn trung thực, chính xác, đầy đủ và không gây nhầm lẫn;
b) Bên B có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các cổ phần, phần vốn góp trong tất cả các công ty con (nếu có) như đã tiết lộ và thông báo cho Bên A;
c) Không có bất kỳ sự kiện nào bị coi là sự kiện vi phạm theo các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên B là một bên đã xảy ra hoặc đang diễn ra dẫn đến việc xử lý tài sản hoặc nghĩa vụ trả nợ trước hạn của Bên B cho bên thứ ba;
d) Theo hiểu biết của Bên B, chưa có bất kỳ thủ tục hoặc hành động nào được Bên B và các công ty con của Bên B (nếu có) thực hiện có thể dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán, tình trạng bị kiểm soát đặc biệt, việc chấm dứt hoạt động, giải thể, hoặc tổ chức lại (ngoại trừ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này) đối với Bên B và các công ty con của Bên B;

e) Các quy định tại Hợp đồng này không bị vô hiệu hoặc mất khả năng thi hành do ảnh hưởng của bất kỳ vụ kiện, thủ tục tố tụng hoặc thủ tục điều tra nào đối với Bên B và các công ty con của Bên B (nếu có).

**ĐIỀU 10. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN**

10.1. Mỗi Bên phải tuân thủ các cam kết dưới đây, trừ trường hợp được Bên còn lại đồng ý miễn trừ bằng văn bản:

a) Các Bên cam kết nỗ lực đạt được tất cả chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao dịch sáp nhập trong thời gian sớm nhất;
b) Các Bên cam kết nỗ lực thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp đồng và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này tại các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
c) Ngoài việc thực hiện các hành động được quy định theo Hợp đồng này, mỗi Bên đồng ý nỗ lực thực hiện tất cả những công việc cần thiết khác (nếu có) để hoàn thành Giao dịch sáp nhập;
d) Mỗi Bên cam kết cung cấp cho Bên còn lại thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện Giao dịch sáp nhập như sau:
   - Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu phải cho phép cán bộ, nhân viên và đơn vị tư vấn của Bên yêu cầu được tiếp nhận mọi thông tin, tài liệu cần thiết về Các Bên để thực hiện Giao dịch sáp nhập;
   - Ngay khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp cho Bên yêu cầu thông tin, tài liệu về bất kỳ sự kiện, tình huống hoặc vấn đề nào mà có khả năng khiến cho bất kỳ cam đoan hoặc bảo đảm nào mà bên đó đưa ra theo Hợp đồng này trở nên thiếu trung thực, không chính xác hoặc gây nhầm lẫn;
   - Ngay khi nhận được yêu cầu của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp cho Bên yêu cầu thông tin, tài liệu về bất kỳ sự kiện, tình huống hoặc vấn đề nào mà gây ra hoặc có khả năng gây ra một Thay đổi bất lợi đáng kể;
e) Các Bên tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường cho đến ngày sáp nhập; duy trì cơ cấu tổ chức hoạt động, các cơ hội kinh doanh, mối quan hệ kinh doanh với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối và các tổ chức, cá nhân khác như trước khi ký kết Hợp đồng theo các quy định của Hợp đồng này;
f) Mỗi Bên không được thực hiện bất kỳ hành động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào hoặc trước ngày sáp nhập mà Bên đó là một bên tham gia;
g) Các Bên cam kết rằng Các Bên sẽ thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo quy định của pháp luật;
h) Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên còn lại tất cả thông tin, ý kiến, chấp thuận hoặc sự cho phép từ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến việc thực hiện Giao dịch sáp nhập theo Hợp đồng hoặc các hoạt động khác có liên quan của Các Bên;
i) Mỗi Bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị Hợp đồng này và các chi phí khác phát sinh trong phạm vi trách nhiệm của mình liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo Hợp đồng.

10.2. Bên A cam kết rằng trước và vào ngày sáp nhập:

a) Bên A không ban hành, chấm dứt hay thay đổi một cách bất hợp lý các chính sách, thông lệ hoặc phương án về quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh, kế toán, tài chính của Bên A, ngoại trừ theo quy định của pháp luật;
b) Bên A không sửa đổi, hoặc chấp thuận/phê duyệt cho phép việc sửa đổi, điều lệ hoặc bất kỳ quy định, quy chế nội bộ nào khác của Bên A và công ty con của Bên A (nếu có), trừ trường hợp sửa đổi vì Giao dịch sáp nhập;
c) Bên A không sửa đổi, chấm dứt hoặc miễn trừ bất kỳ thỏa thuận bảo mật nào;
d) Bên A không thực hiện các hoạt động sau đây, ngoại trừ theo quy định của pháp luật hoặc điều khoản của các hợp đồng lao động và chương trình đang có hiệu lực:
   - tăng lương, thù lao hoặc lợi ích cho bất kỳ thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ hoặc người lao động nào;

- trả các khoản tiền hoặc tăng các khoản tiền phải trả cho bất kỳ thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ hoặc người lao động nào mà không được quy định trong hợp đồng lao động hoặc chương trình đang có hiệu lực; hoặc
- ban hành, sửa đổi hoặc chấm dứt bất kỳ chương trình quyền chọn mua cổ phần, chương trình trả thù lao bằng cổ phần, tiền lương, phúc lợi của người lao động;

e) Bên A không bán, chuyển giao, cầm cố, thế chấp, cho thuê, thanh lý hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác đối với bất kỳ tài sản, bất động sản, cổ phần hoặc vốn góp nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường phù hợp với thông lệ đang áp dụng và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;

f) Bên A không chuyển nhượng quyền sở hữu, nhượng quyền hoặc cấp phép sử dụng đối với bất kỳ đối tượng sở hữu trí tuệ nào của Bên A ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;

g) Bên A không cho vay, cấp vốn, góp vốn hoặc đầu tư vào bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc tài sản nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;

h) Bên A không gánh chịu bất kỳ khoản nợ hoặc trách nhiệm nào khác đối với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;

i) Bên A không thực hiện hoạt động kinh doanh hoặc cấp tín dụng theo bất kỳ cách thức nào không nằm trong hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A;

j) Bên A không thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh mới nào khác ngoài hoạt động kinh doanh bình thường;

k) Bên A không nộp hoặc sửa đổi hồ sơ khai thuế, thay đổi phương pháp tính thuế đã lựa chọn, giải quyết hoặc thỏa thuận về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào trừ trường hợp phải thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thuế có liên quan hoặc theo quy định của pháp luật;

l) Bên A không bắt đầu hoặc giải quyết bất kỳ khiếu nại hoặc tranh chấp nào ngoại trừ trường hợp thực hiện trong hoạt động kinh doanh bình thường và trường hợp phải thực hiện theo quy định của pháp luật;

m) Bên A không thực hiện bất kỳ hoạt động nào khác ngoài hoạt động kinh doanh bình thường mà có khả năng gây thất thoát tài sản của Bên A hoặc khiến Bên A phải gánh chịu nghĩa vụ hoặc trách nhiệm đáng kể hoặc có khả năng gây ra hoặc đe dọa gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể.

10.3. Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào ngày sáp nhập:

a) Bên B không ban hành, chấm dứt hay thay đổi một cách bất hợp lý các chính sách, thông lệ hoặc phương án về quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh, kế toán, tài chính của Bên B, ngoại trừ theo quy định của pháp luật;

b) Bên B không sửa đổi, hoặc chấp thuận/phê duyệt cho phép việc sửa đổi, điều lệ hoặc bất kỳ quy định, quy chế nội bộ nào khác của Bên B và công ty con của Bên B (nếu có), trừ trường hợp sửa đổi vì Giao dịch sáp nhập;

c) Bên B không sửa đổi, chấm dứt hoặc miễn trừ bất kỳ thỏa thuận bảo mật nào;

d) Bên B không thực hiện các hoạt động sau đây, ngoại trừ theo quy định của pháp luật hoặc điều khoản của các hợp đồng lao động và chương trình đang có hiệu lực:
- tăng lương, thù lao hoặc lợi ích cho Chủ tịch Công ty/bất kỳ thành viên HĐTV, thành viên BKS, cán bộ hoặc người lao động nào;
- trả các khoản tiền hoặc tăng các khoản tiền phải trả cho Chủ tịch Công ty/bất kỳ thành viên HĐTV, thành viên BKS, cán bộ hoặc người lao động nào mà không được quy định trong hợp đồng lao động hoặc chương trình đang có hiệu lực; hoặc
- ban hành, sửa đổi quy định, chính sách liên quan đến tiền lương, phúc lợi của người lao động;

e) Bên B không thực hiện tăng vốn và tiếp nhận thêm thành viên góp vốn nào;;

f) Bên B không bán, chuyển giao, cầm cố, thế chấp, cho thuê, thanh lý hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác đối với bất kỳ tài sản, bất động sản, cổ phần hoặc vốn góp nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;

g) Bên B không chuyển nhượng quyền sở hữu, nhượng quyền hoặc cấp phép sử dụng đối với bất kỳ đối tượng sở hữu trí tuệ nào của Bên B ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
h) Bên B không cho vay, cấp vốn, góp vốn hoặc đầu tư vào bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc tài sản nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
i) Bên B không gánh chịu bất kỳ khoản nợ hoặc trách nhiệm nào khác đối với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
j) Bên B không phát hành bất kỳ trái phiếu chuyển đổi, khoản nợ chuyển đổi nào mà cho phép người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và/hoặc khoản nợ thành vốn góp của Bên B và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ bất kỳ trái phiếu chuyển đổi, khoản nợ chuyển đổi của Bên B;
k) Bên B không thực hiện hoạt động kinh doanh hoặc cấp tín dụng theo bất kỳ cách thức nào không nằm trong hoạt động kinh doanh bình thường;
l) Bên B không thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh mới nào khác ngoài hoạt động kinh doanh bình thường;
m) Bên B không nộp hoặc sửa đổi hồ sơ khai thuế, thay đổi phương pháp tính thuế đã lựa chọn, giải quyết hoặc thỏa thuận về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào trừ trường hợp phải thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thuế có liên quan hoặc theo quy định của pháp luật;
n) Bên B không bắt đầu hoặc giải quyết bất kỳ khiếu nại hoặc tranh chấp nào ngoại trừ trường hợp thực hiện trong hoạt động kinh doanh bình thường và trường hợp phải thực hiện theo quy định của pháp luật;
o) Bên B không thực hiện bất kỳ hoạt động nào khác ngoài hoạt động kinh doanh bình thường mà có khả năng gây thất thoát tài sản của Bên B hoặc khiến Bên B phải gánh chịu nghĩa vụ hoặc trách nhiệm đáng kể hoặc có khả năng gây ra hoặc đe dọa gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể.

## ĐIỀU 11. XỬ LÝ VI PHẠM

11.1. Trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm, cam đoan, bảo đảm và cam kết nào của mình trong Hợp đồng này thì Bên vi phạm sẽ bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ thiệt hại, tổn thất do hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật.

11.2. Quy định tại Điều 11.1 trên đây không áp dụng trong trường hợp việc vi phạm là do sự kiện bất khả kháng hoặc thực hiện theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà Các Bên không thể biết được vào thời điểm ký Hợp đồng.

## ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ Ngày ký kết.

12.2. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:

a) Các Bên đã hoàn thành toàn bộ các thủ tục sáp nhập theo quy định của Hợp đồng này, Phương án sáp nhập và Kế hoạch sáp nhập chi tiết;
b) Theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên về việc chấm dứt Hợp đồng;
c) Trong khoảng thời gian từ ngày ký kết Hợp đồng này đến ngày sáp nhập, Các Bên không tuân theo bất kỳ cam kết hoặc thỏa thuận nào được quy định trong Hợp đồng này trong vòng 30 ngày làm việc thì bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này. Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày dự kiến đơn phương chấm dứt Hợp đồng;
d) Một hoặc Các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
e) Các Bên không hoàn thành Giao dịch sáp nhập trong thời hạn thực hiện sáp nhập và thời gian gia hạn (nếu có) được quy định tại khoản 4.3 Điều 4 của Hợp đồng này;
f) Giao dịch sáp nhập không thể thực hiện được do quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

12.3. Trong trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại điểm c khoản 12.2 Điều này, mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.

12.4. Trong trường hợp Hợp đồng này bị một Bên chấm dứt theo quy định tại điểm c khoản 12.2 Điều này thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản tổn thất, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này. Bên vi phạm có trách nhiệm thanh toán khoản bồi thường cho Bên bị vi phạm trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bên bị vi phạm yêu cầu.

## ĐIỀU 13. BẢO MẬT

13.1. Thông tin bảo mật là tất cả thông tin, tài liệu do bên cung cấp thông tin, cán bộ, nhân viên, người đại diện hoặc nhà tư vấn của bên cung cấp thông tin cung cấp cho bên nhận thông tin, được cung cấp bằng văn bản hoặc lời nói trước hay sau ngày ký kết hợp đồng, ngoại trừ các thông tin sau đây:

a) thông tin, tài liệu được cung cấp cho Bên nhận thông tin trên cơ sở không bảo mật bởi một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không bị ràng buộc bởi bất kỳ nghĩa vụ bảo mật thông tin nào đối với Bên cung cấp thông tin;
b) thông tin, tài liệu được công bố công khai, trừ trường hợp việc công bố đó là hậu quả của việc Bên nhận thông tin vi phạm nghĩa vụ bảo mật quy định tại Hợp đồng này;
c) thông tin, tài liệu được Bên nhận thông tin tạo ra mà không sử dụng bất kỳ Thông tin bảo mật nào;
d) Phương án sáp nhập và Hợp đồng này;
e) các thông tin, tài liệu khác mà Bên A và Bên B phải công bố theo quy định của pháp luật.

13.2. Bên nhận thông tin cam kết rằng, trừ trường hợp có sự chấp thuận của Bên cung cấp thông tin hoặc có yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật:

a) Bên nhận thông tin cam kết không công bố hoặc tiết lộ bất kỳ Thông tin bảo mật nào cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoại trừ những người được Bên nhận thông tin chỉ định để thực hiện Giao dịch sáp nhập với điều kiện là những người đó phải được thông báo về nghĩa vụ bảo mật theo quy định tại Hợp đồng này và phải chịu ràng buộc bởi nghĩa vụ đó; và
b) Bên nhận thông tin cam kết không sử dụng Thông tin bảo mật vào bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc thực hiện Giao dịch sáp nhập.

13.3. Mỗi Bên bảo đảm rằng Bên đó, các công ty con của Bên đó (nếu có), cán bộ, nhân viên, người đại diện hoặc nhà tư vấn của Bên đó và của các công ty con của Bên đó (nếu có), sẽ không công bố hoặc tiết lộ các Thông tin bảo mật nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên còn lại, ngoại trừ các công bố thông tin phải được thực hiện theo quy định của pháp luật sau khi tham vấn ý kiến của Bên kia về việc công bố thông tin đó.

13.4. Mỗi Bên công nhận rằng mình sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ vi phạm nào của Bên đó hoặc các công ty con của Bên đó (nếu có), cán bộ, nhân viên, người đại diện hoặc nhà tư vấn của Bên đó và của các công ty con của Bên đó (nếu có) đối với các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này.

## ĐIỀU 14. THÔNG BÁO

14.1. Bất kỳ yêu cầu, thông báo và các thông tin khác được trao đổi giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này sẽ phải được lập thành văn bản.

14.2. Thông báo sẽ được gửi bằng phương thức giao trực tiếp, qua dịch vụ chuyển phát, email hoặc fax. Thông báo được coi là đã nhận được (i) vào thời điểm chuyển giao, nếu giao trực tiếp hoặc qua dịch vụ chuyển phát hoặc (ii) vào thời điểm gửi email nếu được gửi bằng email và người gửi không nhận được thông báo gửi email không thành công hoặc (iii) vào thời điểm truyền tới người nhận nếu được chuyển bằng fax. Tuy nhiên, nếu thông báo được nhận vào ngoài thời gian làm việc bình thường của người nhận thông báo, thông báo sẽ được coi như được nhận vào đầu giờ làm việc thông thường của người nhận trong Ngày làm việc tiếp theo.

14.3. Thông báo phải được gửi cho Các Bên tới các địa chỉ tương ứng ghi dưới đây (hoặc tới địa chỉ khác ghi trong thông báo của một Bên được gửi theo quy định tại khoản 14.4 Điều này):

Gửi cho Bên A: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

**Địa chỉ:** Tầng 16 tòa nhà Vinacomin, Số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Điện thoại:** 024 3516 1605 **Fax:** 024 35161610

**Email:** …..

**Người liên hệ:** ... - Chức vụ: ...

Gửi cho Bên B: CÔNG TY TNHH MTV THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV

**Địa chỉ:** Thôn Trung Thượng, xã Nông Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Điện thoại:** 02353656900 **Fax:** 02353656901

**Email:** …..

**Người liên hệ:** ... - Chức vụ: ...

14.4. Trong trường hợp có sự thay đổi về thông tin nhận thông báo tại Điều này, Bên có sự thay đổi sẽ cập nhật cho Bên còn lại bằng văn bản trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.

## ĐIỀU 15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

15.1. Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích bởi pháp luật Việt Nam.

15.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh bất kỳ mâu thuẫn, tranh chấp hoặc bất đồng (nếu có), Các Bên thống nhất sẽ thông báo cho nhau, cùng bàn bạc, tìm biện pháp giải quyết, khắc phục giảm thiểu rủi ro và có biên bản về vấn đề này.

15.3. Mọi tranh chấp phát sinh, nếu có, liên quan đến Hợp đồng này sẽ được Hai Bên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp Các Bên không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam ("VIAC") theo các quy tắc tố tụng trọng tài của Trung Tâm này. Trong đó: Số lượng trọng tài viên là 03 (ba); Địa điểm trọng tài là Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt. Phán quyết của VIAC là cuối cùng và bắt buộc Các Bên thi hành. Án phí và chi phí thuê luật sư, tư vấn pháp luật của các Bên sẽ do Bên thua kiện chi trả

## ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

16.1. Hợp đồng này và tất cả các Phụ lục kèm theo, các bản sửa đổi, bổ sung tạo thành toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan tới các vấn đề được quy định tại Hợp đồng này và thay thế cho toàn bộ các thỏa thuận, đàm phán, liên lạc và trao đổi trước đây giữa Các Bên về các nội dung quy định tại Hợp đồng.

16.2. Nếu một hay nhiều quy định của Hợp đồng này bị cho là vô hiệu hoặc không thể thi hành theo pháp luật Việt Nam, Các Bên đồng ý thương thảo lại (các) quy định đó trên cơ sở thiện chí. Trong trường hợp Các Bên không thể đạt được một thỏa thuận thay thế quy định vô hiệu hay không thể thi hành đó, thì:

a) quy định đó sẽ bị loại bỏ khỏi Hợp đồng này,
b) phần còn lại của Hợp đồng này sẽ được giải thích như thể là không có quy định bị vô hiệu hay không thể thực hiện được đó, và
c) phần còn lại của Hợp đồng này sẽ vẫn có giá trị pháp lý và có thể thi hành theo các điều khoản của Hợp đồng này.

16.3. Không Bên nào được phép chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thực hiện hình thức định đoạt khác đối với bất kỳ phần nào hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc bất kỳ quyền lợi hoặc lợi ích nào phát sinh từ Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nếu không có sự đồng ý trước của Bên còn lại của Hợp đồng này.

16.4. Việc bất kỳ bên nào không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này sẽ không được xem là sự từ bỏ các quyền đó. Việc thực hiện đơn lẻ hoặc một phần bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này sẽ không cản trở việc thực hiện các quyền khác theo Hợp đồng này.

16.5. Các quyền và biện pháp khắc phục được quy định rõ trong Hợp đồng này có thể được thực hiện cùng lúc hoặc tại các thời điểm khác nhau và theo mức độ thường xuyên xét thấy phù hợp tùy theo quyết định của bên có quyền, và không loại trừ bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào theo quy định của pháp luật Việt Nam.

16.6. Các Phụ lục đính kèm của Hợp đồng này được các bên lập tại từng thời điểm sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Hợp đồng này và bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này chỉ được sửa đổi nếu được lập thành văn bản và được ký, phê duyệt hợp lệ bởi Các Bên tham gia Hợp đồng này.

16.7. Từng Bên của Hợp đồng này sẽ thực hiện các hoạt động cần thiết, trong khả năng, thẩm quyền và năng lực của mình, và thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện ý định của Hợp đồng này và cho mục đích của Hợp đồng này. Không Bên nào được thực hiện các hoạt động không phù hợp với quy định của Hợp đồng này.

16.8. Mỗi Bên sẽ tự chịu trách nhiệm và chi phí phát sinh của Bên mình liên quan đến Hợp đồng này và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng này.

16.9. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên sẽ giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**<br>**TỔNG CÔNG TY**<br>**ĐIỆN LỰC TKV - CTCP** | **ĐẠI DIỆN BÊN B**<br>**CÔNG TY TNHH MTV**<br>**THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV** |
| Họ và tên: Bùi Minh Tân<br>Chức vụ: Tổng Giám đốc | Họ và tên: Trần Hữu Thắng<br>Chức vụ: Giám đốc |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

Số: 764 /TTr-ĐLTKV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội. ngày 29 tháng 10 năm 2026*

# TỜ TRÌNH

**Về việc hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 và chi trả cổ tức bổ sung**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV CTCP (Tổng công ty/ĐLTKV) ngày 26/12/2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ-2023 ngày 29/5/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 (Báo cáo Công ty mẹ và Báo cáo Hợp nhất) đã được kiểm toán của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.*

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), cổ đông lớn của Tổng công ty, yêu cầu Người đại diện phần vốn của TKV tại Tổng công ty có ý kiến với Tổng công ty để triển khai thực hiện các nội dung:

*"1. Đối với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Triển khai thực hiện việc chia hết cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại đến hết năm 2024 theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị, Quy chế quản lý người đại diện của TKV, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.*

*2. Đối với việc trích Quỹ đầu tư phát triển vượt tỷ lệ theo quy định: Triển khai theo thẩm quyền việc thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ đầu tư phát triển trích vượt tỷ lệ quy định và chia cổ tức cho cổ đông theo các quy chế, quy định của đơn vị, của TKV và pháp luật hiện hành"*

Trên cơ sở ý kiến của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua các nội dung sau:

- Hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 với số tiền là: **26.438.539.485 đồng;**

- Chi trả cổ tức bổ sung (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại đến hết năm 2024 và từ nguồn hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024) với tỷ lệ là **8,8371%**, chi tiết phương án như sau:

| Stt | Diễn giải | Số tiền (đồng) |
|---|---|---|
| **1** | **Tổng số tiền chi trả cổ tức bổ sung** | **603.368.671.982** |
| | *Trong đó:* | |
| - | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 | 576.930.132.497 |
| - | Hoàn nhập về lợi nhuận sau thuế đối với giá trị Quỹ Đầu tư phát triển trích vượt trong giai đoạn từ năm 2020-2024 | 26.438.539.485 |
| **2** | **Phương án chi trả cổ tức** | |
| **2.1** | **Tỷ lệ chia cổ tức** | **8,8371%** |
| **2.2** | **Chi trả cổ tức** | **603.368.445.332** |
| | *Trong đó: - Cổ đông TKV* | *598.986.149.535* |
| | *- Cổ đông khác ngoài TKV* | *4.382.295.797* |
| **3** | **Chênh lệch số tiền chi trả cổ tức phát sinh do làm tròn tỷ lệ cổ tức (3=1-2.2) (*)** | **226.650** |

*(*) Phần chênh lệch là 226.650 đồng phát sinh giữa Tổng số tiền chi trả cổ tức bổ sung và Tổng số tiền thực chi trả cổ tức theo tỷ lệ 8,8371% sẽ được giữ lại và tiếp tục hạch toán vào nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng công ty.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

***Nơi nhận:***
- Như kính gửi ;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban lãnh đạo điều hành (e-copy);
- Các phòng KTTC, TCNS (e-copy);
- Lưu: VT, Tk.HĐQT, KTTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

**Phạm Tuấn Ngọc**